

CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ CHÍNH XÁC NANOTECH VIỆT NAM

**HỒ SƠ
ĐĂNG KÝ MÔI TRƯỜNG**

**CỦA DỰ ÁN :
“ NHÀ MÁY SẢN XUẤT CƠ KHÍ ”**

**ĐỊA ĐIỂM:
LÔ 38E KHU CÔNG NGHIỆP QUANG MINH, XÃ QUANG MINH, TP. HÀ NỘI**

Hà Nội, tháng 09 năm 2026

Mẫu số 47. Văn bản đăng ký môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở (phụ lục 2, TT 02/2022/TT-BTNMT)

CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ
CHÍNH XÁC NANOTECH

VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:06/ĐKMT

Quang Minh, ngày 11 tháng 09 năm 2026

V/v đăng ký môi trường cho
dự án đầu tư Nhà máy sản
xuất cơ khí

Kính gửi: Ban quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội

Công ty TNHH cơ khí chính xác Nanotech Việt Nam là chủ đầu tư của dự án “Nhà máy sản xuất cơ khí” tại nhà xưởng thuộc Lô đất 38E tại Khu công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh, thành phố Hà Nội theo Hợp đồng thuê nhà xưởng số 021/HĐ/TĐ-NANOTECH ngày 05 tháng 12 năm 2025 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 665253 do UBND tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 23 tháng 07 năm 2008, thuộc đối tượng phải đăng ký môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 06 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ nông nghiệp và môi trường.

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô 38E Khu công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh, thành phố Hà Nội.

- Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0106338039 được Sở tài chính thành phố Hà Nội cấp cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 21/07/2026.

- Người đại diện theo pháp luật của: Ông Giang Mạnh Dinh – Chức vụ: Giám đốc

Mẫu số 47. Văn bản đăng ký môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở (phụ lục 2, TT 02/2022/TT-BTNMT)

Công ty TNHH cơ khí chính xác Nanotech Việt Nam đăng ký môi trường cho dự án “Nhà máy sản xuất cơ khí” với các nội dung sau:

1. Thông tin chung về dự án:

- Tên dự án đầu tư, cơ sở: Nhà máy sản xuất cơ khí

Chủ đầu tư: Công ty TNHH cơ khí chính xác Nanotech Việt Nam

- Địa điểm thực hiện dự án; nguồn vốn và tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

Địa điểm thực hiện: Dự án “Nhà máy sản xuất cơ khí” được thực hiện trên nhà xưởng thuộc Lô đất 38E tại Khu công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh, thành phố Hà Nội theo Hợp đồng thuê nhà xưởng số 021/HĐ/TĐ-NANOTECH ngày 05 tháng 12 năm 2025 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 665253 do UBND tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 23 tháng 07 năm 2008.

Nguồn vốn và tiến độ thực hiện:

Tổng vốn đầu tư : 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng ./.)

Nguồn vốn:

Vốn tự có và vốn vay hợp pháp của Doanh nghiệp.

Tiến độ thực hiện: Dự án đã sửa dụng nhà xưởng có sẵn, đang lắp đặt máy móc và vận hành thử nghiệm, dự kiến đi vào hoạt động chính thức từ quý IV 2026.

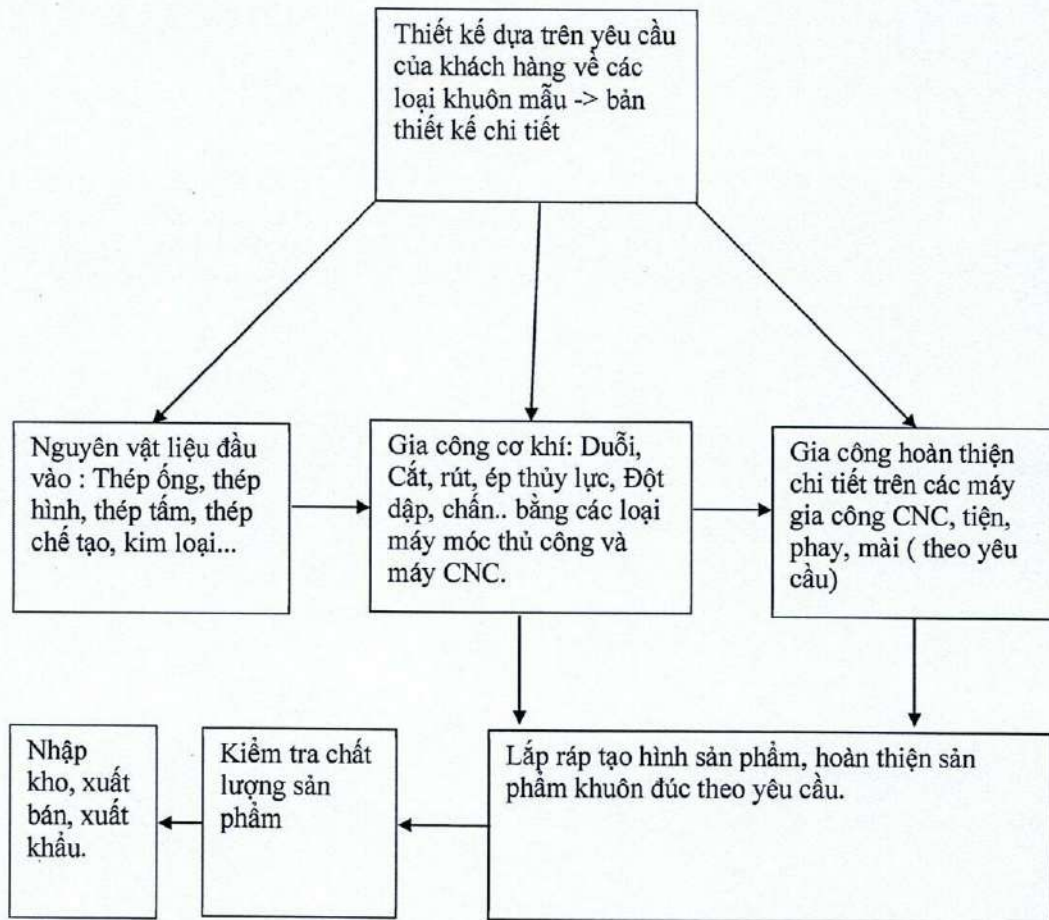
- Quy mô; công suất; công nghệ và loại hình sản xuất của dự án:

- Mục tiêu dự án: Sản xuất các sản phẩm khuôn đúc kim loại

- Công suất: Sản xuất 10 tấn sản phẩm các loại/ năm

Quy trình sản xuất:

Mẫu số 47. Văn bản đăng ký môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở (phụ lục 2, TT 02/2022/TT-BTNMT)



- Thuyết minh quy trình sản xuất:

Đội ngũ thiết kế dựa trên yêu cầu của khách hàng sẽ thiết kế ra bản vẽ gia công khuôn mẫu trên các phần mềm chuyên dụng, sau khi được duyệt, bản vẽ sẽ được triển khai tới các bộ phận vào khâu chế tạo.

Nguyên liệu đầu vào là các loại thép ống, thép hình, thép tấm, thép chế tạo, một số kim loại khác.. được nhập từ các nhà cung cấp về nhà máy. Tại đây nguyên liệu đầu vào được xử lý thành chi tiết dạng phôi qua các chuỗi gia công như: Duỗi, cắt, rút kéo dãn, ép thủy lực, Đột dập, chấn.., sau đó, tùy yêu cầu sản phẩm từ phía khách hàng, các chi tiết dạng phôi có thể sẽ qua các khâu gia công hoàn thiện tinh hơn trên các máy Gia công như CNC, tiện, phay, mài... Các chi tiết sau đó được lắp ráp tạo hình sản phẩm, hoàn thiện các sản phẩm khuôn đúc theo yêu cầu. Các

sản phẩm này được sử dụng làm khuôn đúc chi tiết cho các Công ty có yêu cầu. Khâu cuối là kiểm tra chất lượng, Nhập kho xuất bán cho khách hàng.

2. Nguyên, nhiên liệu, hóa chất sử dụng và các sản phẩm của dự án đầu tư, cơ sở:

- Nguyên, nhiên liệu đầu vào: Thép ống, thép hình, thép tấm, thép chế tạo, kim loại.
- Hoá chất sử dụng: Không có

3. Loại, khối lượng chất thải phát sinh của dự án đầu tư, cơ sở:

- Loại và khối lượng nước thải phát sinh (sinh hoạt, công nghiệp) hoặc dự kiến phát sinh:

+ Nước thải sản xuất: không phát sinh nước thải sản xuất.

+ Nước thải sinh hoạt: Dự án không có bếp ăn, nước thải phát sinh từ hoạt động của nhà vệ sinh, bồn rửa tay; của 30 công nhân viên; lượng nước thải phát sinh dự kiến: 3 m³/ ngày đêm,

- Nguồn và lưu lượng khí thải phát sinh hoặc dự kiến phát sinh: Dự án không phát sinh khí thải sản xuất.

- Loại và khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh hoặc dự kiến phát sinh:

+ Loại: chất thải rắn sinh hoạt hàng ngày của công nhân viên

+ Khối lượng ước tính: 1500kg/ năm

- Loại và khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh hoặc dự kiến phát sinh:

+ Loại: các loại bìa các tông, nilon bọc sản phẩm, ba via kim loại trong quá trình gia công kim loại

+ Khối lượng ước tính: 1200 kg/năm

- Loại và khối lượng chất thải nguy hại phát sinh hoặc dự kiến phát sinh:

+ Loại: gồm dầu thải, rửa lau dính dầu, bóng đèn huỳnh quang.

+ Khối lượng ước tính: Dự kiến 500 kg/năm

4. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải của dự án đầu tư, cơ sở:

- Phương án thu gom, quản lý và xử lý nước thải phát sinh hoặc dự kiến phát sinh:

+ Nước thải sản xuất: Không có nước thải sản xuất.

+ Nước thải sinh hoạt: Dự án không có bếp ăn, nước thải phát sinh từ hoạt động của khoảng 30 cán bộ công nhân viên sử dụng nhà vệ sinh, bồn rửa tay lưu lượng 3 m³/ngày đêm, được thu gom bằng đường ống dẫn ngầm đến bể tự hoại 3 ngăn để xử lý. Sau đó được đầu nối với hạ tầng thoát nước thải của Công ty Tân Đức ra hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Quang Minh. Công ty ký hợp đồng xử lý nước thải qua Công ty Tân Đức.

- Phương án thu gom, quản lý và xử lý khí thải phát sinh hoặc dự kiến phát sinh: Dự án không phát sinh khí thải sản xuất.

- Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh hoặc dự kiến phát sinh :

+ Phương án thu gom, quản lý: Dự án xây bố trí khu chứa diện tích 03 m² ở khu vực thuận tiện để chứa chất thải rắn sinh hoạt

+ Phương án xử lý: ký hợp đồng với đơn vị có chắc năng vận chuyển, xử lý hàng ngày.

- Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh hoặc dự kiến phát sinh:

+ Phương án thu gom, quản lý: Dự án bố trí xây dựng khu chứa kín diện tích 03 m².

+ Phương án xử lý: ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý định kỳ.

- Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải nguy hại phát sinh hoặc dự kiến phát sinh :

+ Phương án thu gom, quản lý: Dự án bố trí xây dựng khu chứa kín diện tích

03 m2 riêng biệt, có bảng biển cảnh báo.

+ Phương án xử lý: Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý định kỳ theo quy định.

5. Cam kết thực hiện công tác bảo vệ môi trường:

Chúng tôi cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về bảo vệ môi trường của Luật bảo vệ môi trường năm 2020 và tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu vi phạm các quy định bảo vệ môi trường trong khi thực hiện xây dựng dự án và khi dự án đi vào hoạt động.

- Việc thu gom, vận chuyển, xử lý phế thải xây dựng trong quá trình triển khai xây dựng Dự án phải thực hiện theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Bố trí khu lưu giữ nguyên vật liệu, đất thải và thiết bị tại những địa điểm phù hợp để giảm thiểu ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên, cuộc sống của dân cư, các hoạt động văn hóa, kinh tế, xã hội của địa phương trong quá trình thi công xây dựng; thực hiện chương trình giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, bảo vệ an ninh xã hội đối với đội ngũ cán bộ, công nhân tham gia thi công xây dựng Dự án.

- Quá trình triển khai xây dựng Dự án phải thực hiện đúng quy định tại Quyết định số 29/2015/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của UBND thành phố Hà Nội về đảm bảo trật tự, an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng các công trình tại thành phố Hà Nội; các biện pháp giảm bụi theo quy định tại Quyết định số 02/2005/QĐ-UB ngày 10/01/2005 của UBND thành phố Hà Nội và Quyết định số 241/2005/QĐ-UB ngày 30/12/2005 của UBND thành phố Hà Nội về việc sửa đổi một số điều quy định về việc thực hiện các biện pháp giảm bụi trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn Thành phố. Bụi và khí thải phát sinh trong quá trình triển khai xây dựng Dự án phải có các biện pháp giảm thiểu, đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 05:2023/BTNMT (từ ngày 12/9/2023) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

- Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát

Mẫu số 47. Văn bản đăng ký môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở (phụ lục 2, TT 02/2022/TT-BTNMT)

sinh trong quá trình triển khai xây dựng Dự án; quá trình hoạt động phải được thu gom và xử lý theo đúng quy định Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về bảo vệ môi trường của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường.

+ Thực hiện đầy đủ các quy định hiện hành của Pháp luật Việt Nam về bảo vệ môi trường trong quá trình xây dựng và hoạt động của dự án.

+ Áp dụng các biện pháp phòng chống sự cố và giảm thiểu ô nhiễm như đã trình bày trong Kế hoạch BVMT (nếu có), đồng thời tăng cường công tác đào tạo cán bộ về môi trường nhằm nâng cao năng lực quản lý môi trường, bảo đảm không phát sinh các vấn đề gây ô nhiễm môi trường.

+ Đảm bảo kinh phí vận hành các công trình xử lý môi trường cũng như thực hiện các biện pháp, quy định chung của Nhà nước về bảo vệ môi trường.

+ Phối hợp với chính quyền địa phương để giải quyết các vấn đề về xã hội, đặc biệt là các vấn đề môi trường bức xúc nảy sinh ở khu vực do quá trình hoạt động của cơ sở tạo nên.

- Cam kết xử lý chất thải đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành về môi trường; cam kết thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định hiện hành của Pháp luật Việt Nam, cụ thể:

+ QCVN 05: 2013/BTNMT: quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

+ QCVN 14:2025/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung trước khi xả ra ngoài môi trường

+ Chất thải rắn được thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định;

+ Ký hợp đồng thu gom vận chuyển CTNH với đơn vị có đầy đủ chức năng

Mẫu số 47. Văn bản đăng ký môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở (phụ lục 2, TT 02/2022/TT-BTNMT)

đem đi xử lý, tiêu hủy theo đúng quy định của pháp luật;

Khi có sự thay đổi trong tiêu chuẩn, quy chuẩn, Cơ sở cam kết thực hiện đúng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn mới nhất theo quy định của pháp luật.

Cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam..

Đề nghị quý Ủy ban tiếp nhận đăng ký môi trường của Nhà máy sản xuất cơ khí./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu: văn thư

CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ CHÍNH XÁC

NANOTECH VIỆT NAM



GIÁM ĐỐC

Giang Mạnh Đình

M.S.

Số: 09/QĐ-NNT

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Dự án đầu tư
Nhà máy sản xuất cơ khí

- Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các Văn bản dưới Luật hướng dẫn;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các Văn bản dưới Luật hướng dẫn;

- Căn cứ nội dung Dự án đầu tư do đơn vị tư vấn lập.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Dự án đầu tư: “Nhà máy sản xuất cơ khí” với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Nhà máy sản xuất cơ khí
2. Chủ đầu tư: Công ty TNHH cơ khí chính xác Nanotech Việt Nam
3. Tổ chức tư vấn lập dự án: Công ty TNHH TM&XD Hải Tín.
4. Mục tiêu đầu tư xây dựng:

Mục tiêu chung của dự án là đầu tư các hạng mục máy móc thiết bị và các điều kiện cần thiết khác với mục đích sản xuất các loại khuôn đúc cho các công ty sản xuất linh kiện cơ khí. Dự án được đầu tư với quy mô hiện đại cùng với hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ để đạt được mục tiêu sau:

- Tăng nguồn cung cho thị trường cung cấp sản phẩm cơ khí phụ trợ cho các ngành sản xuất linh kiện nói chung, thị trường khuôn đúc kim loại nói riêng, đáp ứng nhu cầu sử dụng ngày càng lớn do sự phát triển kinh tế, công nghiệp hóa.

- Tăng thêm việc làm, thu nhập cho một số lao động

- Đóng góp vào nguồn thu của ngân sách thành phố nói riêng và cả nước nói chung.

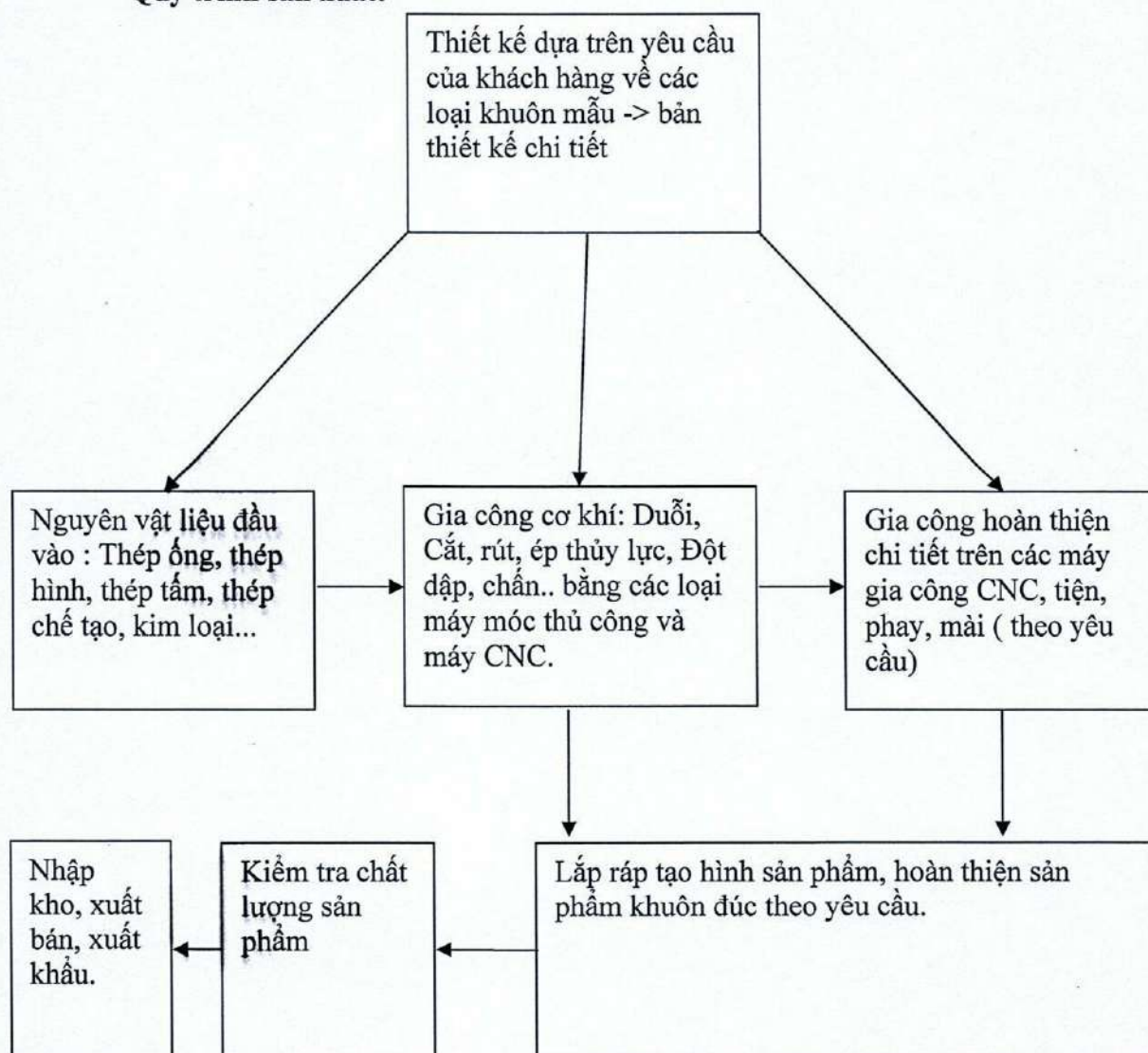
5. Địa điểm đầu tư:

Dự án thực hiện tại Lô đất 38E khu công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh, thành phố Hà Nội trên một phần xưởng có diện tích 2040m² theo Hợp đồng thuê nhà xưởng số 021/HĐ/TĐ-NANOTECH ngày 05 tháng 12 năm 2025 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 665253 do UBND tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 23 tháng 07 năm 2008.

6. Nội dung và quy mô đầu tư:

6.1 Công nghệ sản xuất của Dự án:

Quy trình sản xuất:



6.2. Bố trí mặt bằng sản xuất

Tổng diện tích nhà xưởng: 2040 m²

- Khu sản xuất: 1900 m²

Nơi sản xuất các sản phẩm khuôn đúc kim loại, chia ra một cách linh động về diện tích tùy vào điều kiện sản xuất các khu như sau:

+ Khu vực đặt nguyên liệu: Nơi đặt kho chứa nguyên liệu đầu vào và chứa thành phẩm.

+ Khu vực sản xuất: Bố trí máy móc và công cụ dụng cụ theo layout thuận tiện cho sản xuất, đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy.

+ Khu vực chứa thành phẩm: Sản phẩm được lưu tạm thời chờ xuất bán.

- Khu điều hành 140 m²:

Được ngăn với khu vực sản xuất bằng vách ngăn chống cháy cách âm. Diện tích sử dụng: 140 m²: sử dụng làm văn phòng điều hành và các chức năng phù hợp khách khi cần.

6.3. Quy mô đầu tư

Các thiết bị, máy móc phục vụ cho quá trình sản xuất là các thiết bị hiện đại, mới trung bình 95% điều này ảnh hưởng tích cực tới yếu tố môi trường khi vận hành thiết bị, giảm đáng kể nguy cơ gây tác động xấu đến môi trường trong quá trình hoạt động sản xuất.

Bảng 1. Bảng danh mục các thiết bị đầu tư, nhập khẩu

TT	Tên thiết bị	Số lượng	Xuất xứ	Tình trạng mới
1	Máy CNC	10	Nhật Bản	90%
2	Máy đột	5	Nhật Bản	100%
3	Máy dập	5	Nhật Bản	100%
4	Máy hàn	20	Nhật Bản	90%
5	Máy Cắt	20	Nhật Bản	100%
6	Máy Tiện	10	Nhật Bản	100%
7	Máy phay	10	Nhật Bản	90%
8	Máy mài	10	Nhật Bản	100%
9	Máy nén khí	2	Nhật Bản	100%
10	Máy bơm nước	5	Nhật Bản	90%

(Nguồn: Chủ dự án)

Bảng 2. Danh mục đầu tư các thiết bị và dụng cụ văn phòng

TT	Tên thiết bị	Số lượng	Ghi Chú
1	Máy vi tính	10	
2	Máy điều hoà 12.000BTU,	05	
3	Máy điều hoà 48.000 BTU	02	
4	Quạt thông gió	10	
5	Bàn đặt máy tính	10	
6	Tủ đựng tài liệu	10	
7	Máy Photocopy	01	
8	Điện thoại di động	06	
9	Ghế	50	
10	Văn phòng phẩm các loại		

(Nguồn: Chủ dự án)

Bảng 3. Danh mục các thiết bị vận tải

TT	Tên thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Xe nâng tay (2,5kg)	03	
2	Xe nâng điện	03	
3	Ô tô tải	02	

07. Tổng mức đầu tư xây dựng: **20.000.000.000 đồng.** (Hai mươi tỷ đồng./.)

Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có và vốn vay hợp pháp của doanh nghiệp.

08. Tiến độ thực hiện.

Dự án đã lắp đặt toàn bộ dây truyền, đang vận hành sản xuất thử nghiệm, dự kiến đi vào hoạt động chính thức: Quý IV năm 2026.

09. Hình thức quản lý dự án: Công ty tự quản lý dự án theo các quy định của pháp luật

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

Công ty TNHH cơ khí chính xác Nanotech Việt Nam tự quản lý dự án, lựa chọn nhà thầu tư vấn, thi công lắp đặt máy móc dây truyền công nghệ.

Điều 3. Ban giám đốc, các phòng ban và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu Cty.

**CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ CHÍNH XÁC NANOTECH
VIỆT NAM**



GIÁM ĐỐC
Giang Mạnh Đình

CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ CHÍNH XÁC NANOTECH VIỆT NAM

DỰ ÁN ĐẦU TƯ

DỰ ÁN: NHÀ MÁY SẢN XUẤT CƠ KHÍ
ĐỊA ĐIỂM: LÔ 38E KCN QUANG MINH, XÃ QUANG MINH,
THÀNH PHỐ HÀ NỘI.
CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ CHÍNH XÁC NANOTECH
VIỆT NAM
TƯ VẤN LẬP DỰ ÁN: CÔNG TY TNHH TM&XD HẢI TÍN



GIÁM ĐỐC
Giang Mạnh Dinh



GIÁM ĐỐC
Đoàn Văn Bách

Hà Nội, tháng 6 năm 2026

DỰ ÁN ĐẦU TƯ

NHÀ MÁY SẢN XUẤT CƠ KHÍ

CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ CHÍNH XÁC NANOTECH VIỆT NAM

I. Lý do thực hiện dự án đầu tư

1. Các căn cứ

- Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các Văn bản dưới Luật hướng dẫn;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các Văn bản dưới Luật hướng dẫn;
- Luật kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2014.
- Căn cứ Hợp đồng thuê nhà xưởng số 021/HĐ/TĐ-NANOTECH ngày 05 tháng 12 năm 2025 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 665253 do UBND tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 23 tháng 07 năm 2008.
- Căn cứ vào Khả năng chuyên môn, nguồn vốn và nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH cơ khí chính xác Nanotech Việt Nam.

2. Sự cần thiết phải đầu tư

Công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước, sự phát triển vũ bão của trí tuệ nhân tạo kéo theo đòi hỏi về phần cứng cơ khí cho các cỗ máy phát triển. Khuôn đúc là sản phẩm không thể thiếu cho các ngành sản xuất ra các chi tiết cơ khí. Với sự phát triển không ngừng của thị trường, đòi hỏi ngành sản xuất khuôn đúc cũng phải phát triển không ngừng, từ việc nắm bắt kỹ thuật thiết kế nhanh và chính xác đến việc gia công được các sản phẩm với độ bền cao. Yêu cầu của khách hàng ngày càng cao và khắt khe đòi hỏi các nhà sản xuất cũng phải nâng cấp, cải tiến cả về chất lượng thiết kế và sản phẩm phần cứng. Một thị trường ngách tuy nhiên ngày càng cạnh tranh khốc liệt.

Xét thấy thị trường tiềm năng, Công ty TNHH cơ khí chính xác Nanotech Việt Nam đã đầu tư chuyển giao các công nghệ hiện đại để cho ra các sản phẩm khuôn đúc chất lượng cao, với tiêu chí: thiết kế tinh tế và rút ngắn thời gian, cải

tiến quy trình nhằm tạo quy trình sản xuất khép kín và được quản lý chặt chẽ, tạo ra các sản phẩm Tốt, hiệu quả và giá hợp lý.

Công ty lên kế hoạch đầu tư thực hiện dự án “Nhà máy sản xuất cơ khí” với sản phẩm là các loại khuôn đúc cho các công ty sản xuất linh kiện cơ khí. Dự án thực hiện tại một phần xưởng đã được đăng ký tài sản theo Hợp đồng thuê nhà xưởng số 021/HĐ/TĐ-NANOTECH ngày 05 tháng 12 năm 2025 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 665253 do UBND tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 23 tháng 07 năm 2008.

II. Thuyết minh dự án

1. Tên dự án: Dự án “Nhà máy sản xuất cơ khí”

2. Chủ đầu tư: Công ty TNHH cơ khí chính xác Nanotech Việt Nam

Địa chỉ liên hệ: Lô 38E Khu công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh, thành phố Hà Nội.

Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0106338039 được Sở tài chính thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 21/07/2026

Điện thoại: 0912787877, fax:

Email: nanotechvina@gmail.com.

Ngành nghề kinh doanh: theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 .

Người đại diện: Ông Giang Mạnh Dinh – Giám đốc

3. Địa điểm thực hiện dự án

Địa điểm thực hiện dự án: tại một phần xưởng đã được đăng ký tài sản theo Hợp đồng thuê nhà xưởng số 021/HĐ/TĐ-NANOTECH ngày 05 tháng 12 năm 2025 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 665253 do UBND tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 23 tháng 07 năm 2008.

Diện tích dự kiến sử dụng là: 2040 m².

Vị trí thực hiện dự án như sau .

- Phía Bắc giáp giáp đường trục chính KCN Quang Minh
- Phía Nam giáp dự án khác
- Phía Đông giáp dự án khác
- Phía Tây giáp dự án khác

Mặt bằng thực hiện dự án đã được hoàn thiện và đưa vào sử dụng.

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật và các điểm đầu nối.

+ Hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của Khu Công nghiệp (KCN): khá đồng bộ và hoàn chỉnh, Dự án dự kiến đầu nối hạ tầng kỹ thuật theo yêu cầu chung của KCN.

+ Hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật của dự án bao gồm: Tường bao ; Đường nội bộ; Đường điện; Hệ thống thoát nước; Hệ thống thu gom nước mưa...

+ Các điểm đầu nối: Nhà máy sẽ đầu nối hạ tầng kỹ thuật vào hạ tầng của Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Tân Đức, các điểm đầu nối được chỉ định trong hạ tầng kỹ thuật chung của Khu công nghiệp Quang Minh: đầu nối với hệ thống nước sạch của KCN và đầu nối với thoát nước mưa và hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của KCN Quang Minh.

4. Thời gian thuê đất thực hiện dự án

Thời gian thuê đất để thực hiện dự án được tính theo Hợp đồng thuê nhà xưởng số 021/HĐ/TĐ-NANOTECH ngày 05 tháng 12 năm 2025 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 665253 do UBND tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 23 tháng 07 năm 2008.

5. Mục tiêu của dự án

Sản xuất các sản phẩm cơ khí khuôn đúc

Công suất dự kiến là: 10 tấn sản phẩm các loại/năm.

6. Tổng vốn đầu tư và tiến độ thực hiện dự án:

Tổng mức đầu tư dự kiến: 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng).

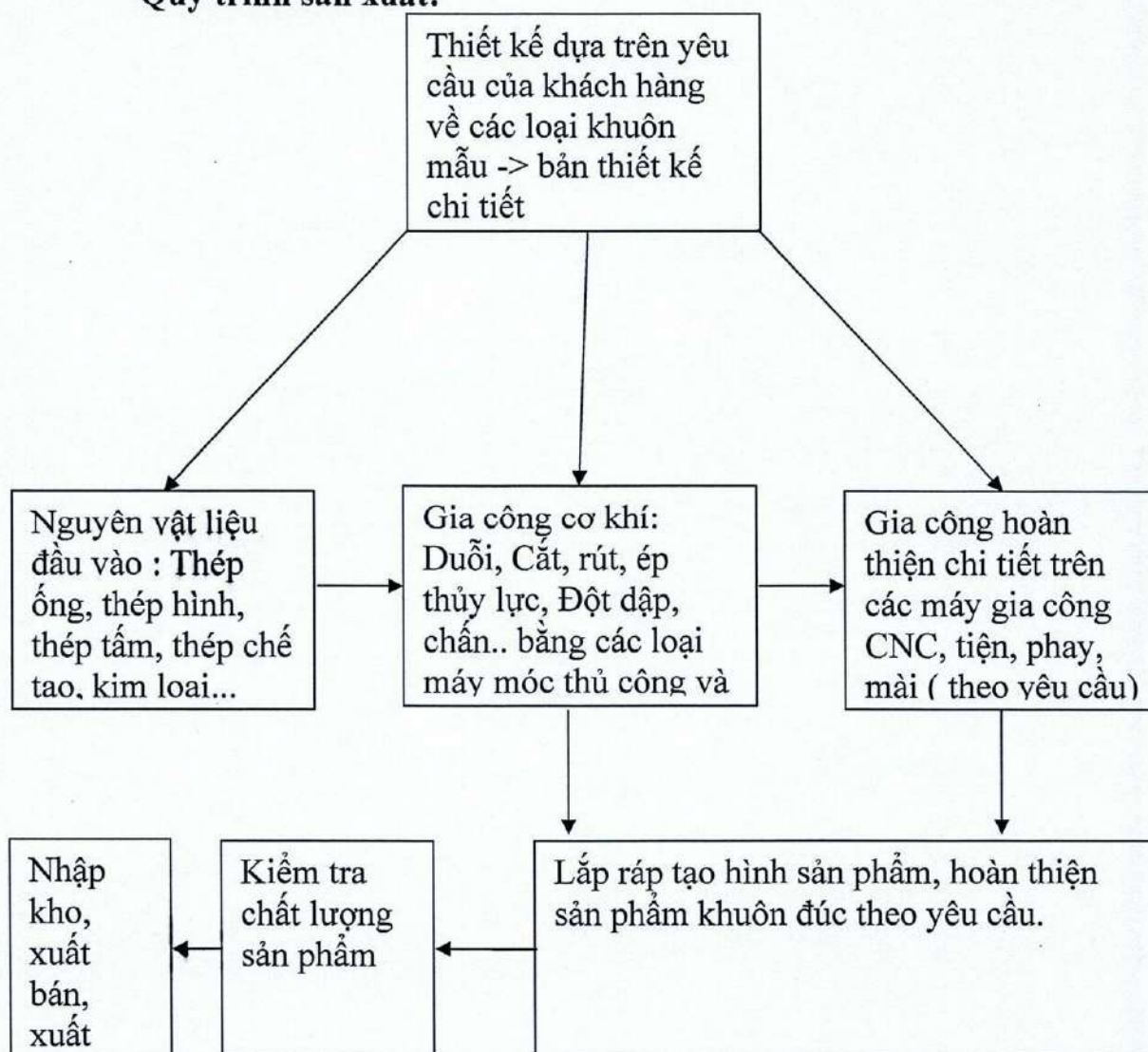
Tiến độ thực hiện dự án:

Dự án đã lắp đặt toàn bộ dây truyền, đang vận hành sản xuất thử nghiệm, dự kiến đi vào hoạt động chính thức: Quý IV năm 2026.

7. Sơ đồ công nghệ sản xuất

Công nghệ sản xuất của Dự án:

Quy trình sản xuất:



- Thuyết minh quy trình sản xuất:

Đội ngũ thiết kế dựa trên yêu cầu của khách hàng sẽ thiết kế ra bản vẽ gia công khuôn mẫu trên các phần mềm chuyên dụng, sau khi được duyệt, bản vẽ sẽ được triển khai tới các bộ phận vào khuôn chế tạo.

Nguyên liệu đầu vào là các loại thép ống, thép hình, thép tấm, thép chế tạo, một số kim loại khác... được nhập từ các nhà cung cấp về nhà máy. Tại đây nguyên liệu đầu vào được xử lý thành chi tiết dạng phôi qua các chuỗi gia công như: Đuỗi, cắt, rút kéo dẫn, ép thủy lực, Đột dập, chấn..., sau đó, tùy yêu cầu sản phẩm từ phía khách hàng, các chi tiết dạng phôi có thể sẽ qua các khâu gia công hoàn thiện tinh hơn trên các máy Gia công như CNC, tiện, phay, mài... Các chi tiết sau đó được lắp ráp tạo hình sản phẩm, hoàn thiện các sản phẩm khuôn đúc theo yêu cầu. Các sản phẩm này được sử dụng làm khuôn đúc chi tiết cho các Công ty có yêu cầu. Khâu cuối là kiểm tra chất lượng, Nhập kho xuất bán cho khách hàng..

Sản phẩm là các loại khuôn đúc bằng kim loại sử dụng cho các ngành sản xuất chi tiết máy.

Vấn đề chuyển giao công nghệ:

Dây truyền sản xuất của dự án là bán tự động, máy móc thiết bị mới được cung cấp tại Việt Nam từ nhiều nhà sản xuất: Trung Quốc, Nhật Bản.

8. Quy mô dự án

8.1. Các thiết bị

Các thiết bị, máy móc phục vụ cho quá trình sản xuất là các thiết bị hiện đại, mới trung bình 95% điều này ảnh hưởng tích cực tới yếu tố môi trường khi vận hành thiết bị, giảm đáng kể nguy cơ gây tác động xấu đến môi trường trong quá trình hoạt động sản xuất.

Bảng 1. Bảng danh mục các thiết bị đầu tư, nhập khẩu

TT	Tên thiết bị	Số lượng	Xuất xứ	Tình trạng mới
1	Máy CNC	10	Nhật Bản	90%
2	Máy đột	5	Nhật Bản	100%
3	Máy dập	5	Nhật Bản	100%

4	Máy hàn	20	Nhật Bản	90%
5	Máy Cắt	20	Nhật Bản	100%
6	Máy Tiện	10	Nhật Bản	100%
7	Máy phay	10	Nhật Bản	90%
8	Máy mài	10	Nhật Bản	100%
9	Máy nén khí	2	Nhật Bản	100%
10	Máy bơm nước	5	Nhật Bản	90%

(Nguồn: Chủ dự án)

Bảng 2. Danh mục đầu tư các thiết bị và dụng cụ văn phòng

TT	Tên thiết bị	Số lượng	Ghi Chú
1	Máy vi tính	10	
2	Máy điều hoà 12.000BTU,	05	
3	Máy điều hoà 48.000 BTU	02	
4	Quạt thông gió	10	
5	Bàn đặt máy tính	10	
6	Tủ đựng tài liệu	10	
7	Máy Photocopy	01	
8	Điện thoại di động	06	
9	Ghế	50	
10	Văn phòng phẩm các loại		

(Nguồn: Chủ dự án)

Bảng 3. Danh mục các thiết bị vận tải

TT	Tên thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Xe nâng tay (2,5kg)	03	
2	Xe nâng điện	03	
3	Ô tô tải	02	

(Nguồn: Chủ dự án)

8.2. Bố trí các hạng mục dự án:

Dự án được bố trí trên tổng diện tích khoảng 2.040 m² tại nhà xưởng của Công ty thuê lại của Công ty Tân Đức, gồm các khu vực chính như sau:

Tổng diện tích nhà xưởng: 2040 m²

- Khu sản xuất: 1900 m²

Nơi sản xuất các sản phẩm khuôn đúc kim loại, chia ra một cách linh động về diện tích tùy vào điều kiện sản xuất các khu như sau:

+ Khu vực đặt nguyên liệu : Nơi đặt kho chứa nguyên liệu đầu vào và chứa thành phẩm.

+ Khu vực sản xuất: Bố trí máy móc và công cụ dụng cụ theo layout thuận tiện cho sản xuất, đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy.

+ Khu vực chứa thành phẩm: Sản phẩm được lưu tạm thời chờ xuất bán.

- Khu điều hành 140 m²:

Được ngăn với khu vực sản xuất bằng vách ngăn chống cháy cách âm. Diện tích sử dụng: 140 m²: sử dụng làm văn phòng điều hành và các chức năng phù hợp khác khi cần.

Nhu cầu nguyên nhiên liệu, điện nước cho sản xuất

- Nguyên nhiên liệu phục vụ cho sản xuất: tấn/năm

STT	Chủng loại	Khối lượng năm	Ghi chú
1	Sắt và kim loại dạng phôi: khối, thanh, ống..	12 tấn	
2	Bao bì Nilon, bì các tông cuộn bảo vệ sản phẩm, sử dụng đóng gói sản phẩm	2 tấn	

- Điện phục vụ sản xuất: Nguồn sẵn có từ xưởng thuê, lấy từ trạm biến thế điện 400 KVA do công ty Tân Đức đầu tư

- Nhu cầu về nước sản xuất và sinh hoạt 3 m³/ngày đêm.

- Bể nước cứu hoả: sử dụng chung hệ thống bể của công ty Tân Đức đầu tư, Bể 450m³ dự trữ.

9. Nhân lực

Toàn công ty khoảng 30 nhân sự. Chế độ làm việc của công nhân: 1 ca/ngày, 1 ca = 8h. Nhà máy làm việc theo chế độ 1 ca/ngày.

Các chế độ nghỉ ngơi của người lao động thực hiện theo quy định chung của nhà nước.

Thu nhập bình quân đầu người dự kiến:

Công ty đã xây dựng kế hoạch sản xuất và tiền lương với mức thu nhập bình quân của người lao động là: 10.000.000đ/người/tháng.

Công ty sẽ ưu tiên tuyển dụng lao động người địa phương. Sau khi tuyển dụng sẽ tổ chức đào tạo dạy nghề ngay tại xưởng. Người lao động sẽ được hưởng phúc lợi, chế độ nghỉ lễ, nghỉ tết,...theo quy định của Luật Lao động.

Công ty trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho người lao động, hàng năm có liên hệ với đơn vị có chức năng để tổ chức, tập huấn lao động cho CBCN trong xưởng. Đồng thời phát động các phong trào thi đua vệ sinh an toàn lao động.

Nhân sự công ty được bố trí như sau:

Cán bộ quản lý: 03 người.

Cán bộ kỹ thuật và giám sát: 03 người

Kỹ sư thiết kế: 05 người

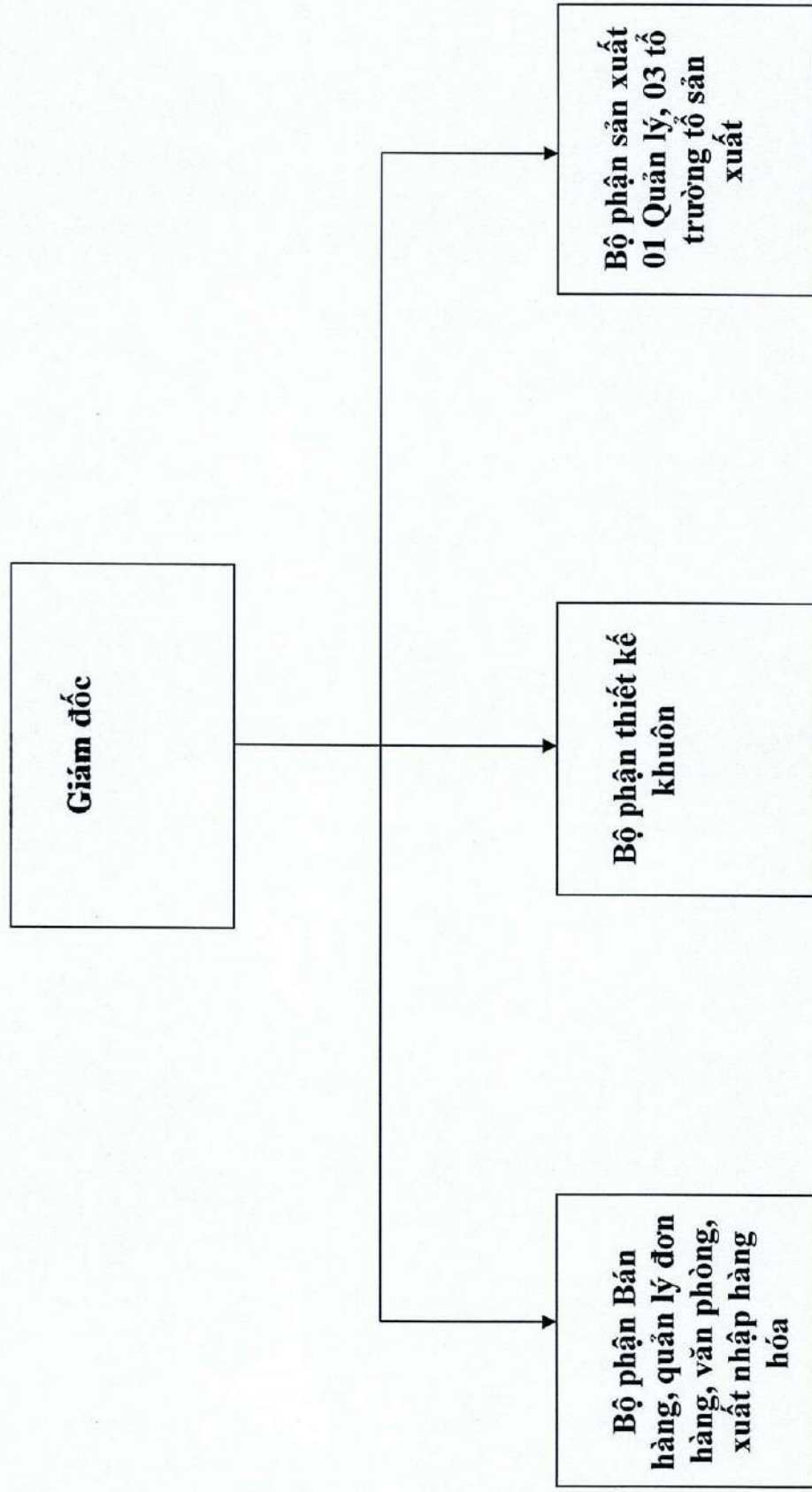
Kỹ sư lành nghề: 16 người

Nhân viên văn phòng: 02 người

Bảo vệ, lái xe: 01 người

Tổng cộng: khoảng 30 người

Sơ đồ tổ chức của nhà máy



10. Đánh giá tác động môi trường và biện pháp xử lý

10.1. Đánh giá tác động đến môi trường

Trong quá trình đi vào sản xuất, tác động chủ yếu của dự án tới môi trường là Bụi, khí thải động cơ trong quá trình vận chuyển nhiên, nguyên liệu, từ các phương tiện vận tải nội bộ. Tuy nhiên, khi dự án áp dụng các biện pháp giảm thiểu, tác động dự án khi đi vào vận hành đến môi trường là không đáng kể

10.2. Các biện pháp xử lý môi trường

Bụi và khí thải: Đối với bụi, khí thải động cơ phát sinh trong quá trình vận chuyển nhiên, nguyên liệu, từ các phương tiện vận tải nội bộ.

Đây là trạng thái phát sinh bụi tự nhiên của sản xuất, để giảm thiểu Công ty sử dụng các phương tiện vận tải nội bộ dạng điện, hoặc động cơ đạt chuẩn khí thải. Đóng gói nguyên nhiên liệu bằng bao bì kín.

Trong khu vực nhà máy được trồng cây xanh để điều hoà và tránh tác động qua lại giữa trong và ngoài nhà máy.

Duy trì vệ sinh nhà xưởng, kho bãi thường xuyên.

Nước thải: Chủ yếu phát sinh trong quá trình sinh hoạt của công nhân viên, được thu gom, xử lý sơ bộ và đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghiệp.

Chất thải rắn thông thường: Được thu gom và thuê đơn vị đem vận chuyển theo quy định.

Chất thải rắn nguy hại: Được thu gom, lưu trữ, vận chuyển và quản lý theo quy định tại Thông tư 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

11. Hiệu quả dự án đầu tư

Thực hiện dự án này góp phần tăng nguồn cung cho thị trường cung cấp khuôn đúc cho các công ty sản xuất, gia công.. Đáp ứng nhu cầu thị trường ngày càng lớn của sản phẩm do sự phát triển ngày càng lớn của sản xuất công nghiệp ngành sản xuất và lắp ráp máy móc, cơ khí, xe cộ..

Dự án đi vào hoạt động sẽ đóng góp vào nguồn thu của thành phố thông qua:

+ Phí và lệ phí xây dựng và các khoản liên quan đến hoạt động xây dựng khác

+ Thuế giá trị gia tăng;

+ Thuế thu nhập doanh nghiệp;

+ Các loại thuế khác liên quan đến hoạt động kinh doanh dịch vụ của DN;

- Dự án đi vào hoạt động sẽ góp phần giải quyết công ăn việc làm cho người lao động trên địa bàn Thành phố Hà Nội và các tỉnh lân cận, từ đó góp phần cơ cấu lại, hợp lý hóa nguồn nhân lực, giảm tỷ lệ thất nghiệp, nâng cao đời sống của lao động địa phương.

III. Kết luận và kiến nghị

Việc đầu tư dự án trên trong giai đoạn hiện nay đem lại thành công và có nhiều ý nghĩa hết sức to lớn về kinh tế cho Doanh nghiệp và lao động. Dự án góp phần đóng góp, thúc đẩy kinh tế thành phố tăng trưởng nhanh theo các mục tiêu kinh tế - chính trị - xã hội được đề ra.

Việc sớm thực hiện Dự án sẽ đem lại hiệu quả về mặt kinh tế cũng như xã hội cho địa phương cũng như cho Chủ đầu tư.

Trên đây là thuyết minh dự án đầu tư: “Nhà máy sản xuất cơ khí” của Công ty TNHH cơ khí chính xác Nanotech Việt Nam tại Lô đất số 38E, khu công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh, thành phố Hà Nội, do Công ty TNHH thương mại và xây dựng Hải Tín lập, kính đề nghị Chủ đầu tư xem xét và phê duyệt với quy mô như đã trình bày trong thuyết minh này để làm cơ sở triển khai thực hiện./.


ĐƠN VỊ TƯ VẤN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG
HẢI TÍN

GIÁM ĐỐC
Đoàn Văn Bách

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0106338039

Đăng ký lần đầu: ngày 18 tháng 10 năm 2013

Đăng ký thay đổi lần thứ: 11, ngày 21 tháng 07 năm 2026

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ CHÍNH XÁC
NANOTECH VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NANOTECH VIET NAM PRECISION
MECHANICAL COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: NANOTECH VIET NAM PRECISION MECHANICAL
CO.,LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô 38E khu công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, Thành phố Hà Nội, Việt
Nam

Điện thoại: 091 278 7877

Số Fax:

Thư điện tử: nanotechvina@gmail.com

Website:

3. Vốn điều lệ : 5.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Năm tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn



STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên là cá nhân; Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Quyết định thành lập/giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương đối với tổ chức	Ghi chú
1	GIANG MẠNH DINH	Việt Nam	Đội 2, Thôn Sáp Mai, Xã Thiên Lộc, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	4.000.000.000	80,000	019077009643	
2	GIANG MẠNH CƯỜNG	Việt Nam	Thôn Sáp Mai, Xã Thiên Lộc, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.000.000.000	20,000	019081000463	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: GIANG MẠNH DINH

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 07/08/1977

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 019077009643

Chức danh: Giám đốc

Địa chỉ liên lạc: Đội 2, Thôn Sáp Mai, Xã Thiên Lộc, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Trần Anh Đức



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 021/HĐ/TĐ-NANOTECH



HỢP ĐỒNG THUÊ NHÀ XƯỞNG

(Tại địa điểm: Lô 38E Khu Công nghiệp Quang Minh,
xã Quang Minh, Thành phố Hà Nội)

GIỮA

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÂN ĐỨC

VÀ

CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ CHÍNH XÁC NANOTECH VIỆT NAM

Hà Nội, tháng 12 năm 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THUÊ NHÀ XƯỞNG

Số: 021 /2025/HĐ/TĐ-NANOTECH

Hôm nay, ngày 05 tháng 12 năm 2025, tại văn phòng Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Tân Đức, chúng tôi đại diện cho các bên gồm:

BÊN CHO THUÊ: Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Tân Đức

(gọi tắt là bên A)

Địa chỉ : Lô 38E Khu Công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh, Thành phố Hà Nội

Mã số thuế : 0100778178

Điện thoại : 0903420784

Số tài khoản : Số 8630032399 Tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Quang Minh.

Đại diện : Bà Trần Liên Hà

Chức vụ: **Giám đốc**

BÊN THUÊ: Công ty TNHH Cơ khí chính xác NANOTECH VIỆT NAM

(Gọi tắt là bên B)

Địa chỉ : Thôn Sáp Mai, xã Thiên Lộc, TP Hà Nội, Việt Nam

Mã số thuế : 0106338039

Điện thoại : 024.3953.0153

Số tài khoản : 7820 686 868 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MB) – PGD Mê Linh - CN Đông Anh.

Đại diện : Ông **Giang Mạnh Dinh**

Chức vụ: **Giám đốc**

Sau khi bàn bạc và thống nhất, hai bên đồng ý ký kết hợp đồng thuê mặt bằng nhà xưởng (Gọi tắt chung là “*thuê nhà xưởng*”) theo các điều khoản sau đây:

ĐIỀU 1:

CĂN CỨ KÝ HỢP ĐỒNG

- 1.1 Tài sản cho thuê của bên A là tài sản sở hữu hợp pháp nằm trong toàn bộ nhà kho, xưởng (gọi tắt là *cụm nhà xưởng*) tại Lô 38E khu Công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh, Thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 665253,

Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T01874/QSDĐ/232/QĐ-TNMT ngày 23/07/2008. Diện tích: **19.800 m²**.

- 1.2 Theo nhu cầu của bên B, Bên A đồng ý cho bên B thuê nhà xưởng cụ thể như sau:
- Nhà xưởng thuê có diện tích là: **2.040 m²** (diện tích này nằm trong nhà xưởng có diện tích là: 5.100m². *Toàn bộ khối nhà xưởng này được gọi là nhà xưởng số 1*).
 - Các khu vực đi lại sử dụng chung gồm: Giao thông nội bộ và đường cứu hỏa xung quanh khu vực nhà xưởng số 1, văn phòng và các nhà xưởng khác trong cùng địa chỉ.
- 1.3 Hợp đồng thuê nhà xưởng và văn phòng này được căn cứ theo:
- Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
 - Luật Thương mại số 36/2005/QH1 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 14/6/2005;
 - Luật kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày ngày 28/11/2023;
 - Các Luật và quy định khác có liên quan của nước CHXHCN Việt Nam;
 - Nhu cầu, khả năng đáp ứng và sự tự nguyện của hai bên;

ĐIỀU 2:

NỘI DUNG THUÊ, ĐỊA ĐIỂM THUÊ VÀ MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

- 2.1 Theo các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, Bên A đồng ý cho bên B thuê và Bên B đồng ý thuê của Bên A một phần trong nhà xưởng số 1 với tổng diện tích nhà xưởng là: **2.040 m²** tại địa chỉ Lô 38E Khu Công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh, TP Hà Nội;
- 2.2 Bên B sử dụng khu vực thuê làm nhà xưởng sản xuất hàng Cơ khí chính xác và Sản xuất về lĩnh vực Cơ khí, kim loại (*Nhưng không được phép sử dụng những thiết bị cơ khí gây tiếng ồn lớn ảnh hưởng đến khu vực xung quanh*);
- 2.3 Hệ thống giao thông nội bộ sử dụng chung gồm: Giao thông nội bộ và đường cứu hỏa xung quanh văn phòng, nhà xưởng số 1 và các nhà xưởng khác cùng địa chỉ;
- 2.4 Các trang thiết bị phục vụ làm việc và sản xuất kinh doanh được gắn thêm tại nhà xưởng. Trong đó tài sản gắn liền phần kết cấu tại diện tích văn phòng thuộc tài sản sở hữu của bên A như trần, sàn, tường, cửa, vách ngăn, trang thiết bị điện, hệ thống đèn chiếu sáng, trang thiết bị vệ sinh, cửa kính, bình cứu hỏa.

ĐIỀU 3:

THỜI HẠN CHO THUÊ

- 3.1 Thời hạn thuê: **04 năm** (*bốn năm*);
- 3.2 Hai bên thống nhất thời hạn nêu tại khoản 3.1 của điều này được coi như 01(một) kỳ hạn. Sau khi hết kỳ hạn thứ nhất (bốn năm), bên B được ưu tiên ký tiếp hợp đồng với thời hạn tiếp theo nếu hai bên thương thảo đạt được thỏa thuận. Việc ký hợp đồng thuê tiếp theo sẽ phải được thực hiện trước khi hết hạn hợp đồng của kỳ hạn trước là 06 (sáu) tháng;

- 3.3 Vào bất kỳ thời điểm nào trong thời hạn của hợp đồng thuê, các bên có thể thương thảo, thỏa thuận bằng văn bản về việc gia hạn thời hạn thuê cho kỳ tiếp theo;
- 3.4 Thời hạn cho thuê bắt đầu được tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2029;

ĐIỀU 4:

GIÁ THUÊ

- 4.1 Giá thuê tài sản (nhà xưởng) gắn liền với đất trong 2 (hai) năm đầu là:

- 4.1.1 Giá cho năm đầu tiên (năm thứ nhất):

+ Đơn vị giá: 90.200 VND/m²/01tháng (Chín mươi ngàn hai trăm đồng một mét vuông cho một tháng). Giá trên đã bao gồm VAT.

+ Tiền thuê xưởng hàng tháng là:

$$2.040 \text{ m}^2 \times 90.200 \text{ VND/m}^2/\text{tháng} = 184.008.000 \text{ VNĐ/tháng}$$

(Bằng chữ: Một trăm tám mươi tư triệu không trăm linh tám nghìn đồng)

- 4.1.2 Giá cho năm thứ 2 (năm thứ hai):

+ Đơn vị giá: 99.000 VND/m²/01tháng (Chín mươi chín ngàn đồng một mét vuông cho một tháng). Giá trên đã bao gồm VAT.

+ Tiền thuê xưởng hàng tháng là:

$$2.040 \text{ m}^2 \times 99.000 \text{ VND/m}^2/\text{tháng} = 201.960.000 \text{ VNĐ/tháng}$$

(Bằng chữ: Hai trăm linh một triệu chín trăm sáu mươi ngàn đồng)

- 4.2 Kể từ năm thứ 03 (ba) trở đi, giá thuê sẽ được điều chỉnh 01 (một) năm một lần để phù hợp với mặt bằng thị trường tại thời điểm điều chỉnh, với biên độ điều chỉnh tối đa không vượt quá 10% so với giá thuê của năm liền kề trước đó;

- 4.3 Các khoản tiền thuê hàng tháng nêu trên không bao gồm các khoản tiền điện, nước, điện thoại v.v có liên quan đến hoạt động của bên B tại khu vực thuê. Các khoản thu hộ, bên A có trách nhiệm cung cấp cho bên B các quy định hiện hành của Nhà nước hiện đang áp dụng cho bên A về giá điện, giá nước, và các đơn giá khác (nếu có). Hàng tháng căn cứ vào biên bản xác nhận chỉ số tiêu thụ điện, nước thực tế giữa hai bên (sản lượng theo chỉ số công tơ, giá tính theo biểu giá do Nhà nước quy định), bên A xuất hóa đơn tài chính với nội dung "thu hộ" cho bên B;

ĐIỀU 5:

TIỀN ĐẶT CỌC

- 5.1 Số tiền đặt cọc bảo đảm thực hiện hợp đồng là: 552.024.000 VND (Bằng chữ: Năm trăm năm mươi hai triệu không trăm hai bốn nghìn đồng). Số tiền đặt cọc này sẽ được chuyển cho Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Tân Đức ngay sau khi ký hợp đồng này;

- 5.2 Tiền đặt cọc sẽ được bên A giữ trong suốt thời hạn cho thuê và được quyền sử dụng để khấu trừ và/hoặc thanh toán cho những khoản công nợ/nghĩa vụ phải trả, phải nộp phát sinh của bên B tại bên A và/hoặc tại mặt bằng thuê của bên A (như công nợ của bên B với cơ quan quản lý Nhà nước về điện, nước, internet ... nếu có). Khấu trừ/thanh toán cho những hư hỏng, tổn thất liên quan đến tài sản tại mặt bằng bên B thuê của bên A do trong quá trình sử dụng bên B gây nên nếu bên B không chủ động khắc phục;

ĐIỀU 6:

PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- 6.1 Bên B sẽ thanh toán bằng hình thức chuyển khoản qua Ngân hàng theo số tài khoản của bên A được cung cấp trong hợp đồng này. Tất cả các khoản thanh toán của bất kỳ bên nào cho bên kia theo hợp đồng này sẽ được thực hiện bằng tiền Đồng Việt Nam;
- 6.2 Tiền thuê sẽ được thanh toán 03 tháng/lần (ba tháng một lần) vào đầu kỳ thanh toán; Riêng trong 03 (ba) tháng đầu tiên của Hợp đồng, Bên B sẽ thanh toán tiền thuê theo hình thức 01 (một) tháng một lần. Sau thời gian này, việc thanh toán sẽ trở lại theo chu kỳ 03 tháng/lần như quy định tại các điều khoản nêu trên;
- 6.3 Bên A sẽ phát hành hóa đơn 01 (một) tháng một lần cho các 03 tháng đầu tiên và 03(ba) tháng một lần tiền thuê cho bên B trong thời hạn còn lại của hợp đồng vào ngày đầu tiên của kỳ thanh toán. Bên B có trách nhiệm thanh toán tiền thuê không muộn hơn 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn và hồ sơ thanh toán của bên A;
- 6.4 Hồ sơ thanh toán gồm: Hóa đơn tài chính theo quy định; Giấy đề nghị thanh toán của bên A và chứng từ, văn bản khác liên quan (nếu có);
- 6.5 Trong trường hợp bên B thanh toán không đúng kỳ hạn của hợp đồng này vì lý do khách quan thì bên B phải có thông báo bằng văn bản và được sự đồng ý của bên A. Tuy nhiên, nếu việc thanh toán chậm quá 15 (mười lăm) ngày, Bên A có quyền tính lãi suất trên tổng số tiền chậm thanh toán theo lãi suất nợ quá hạn tương ứng với thời gian chậm thanh toán do Ngân hàng Nhà nước quy định tại thời điểm thanh toán. Việc chậm trả không được vượt quá 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày đến hạn phải thanh toán của bên B. Từ ngày chậm trả thứ 91 (chín mươi mốt), Bên A có quyền đơn phương hủy hợp đồng, được quyền lấy lại khu vực cho thuê và không phải trả lại cho bên B bất kỳ khoản tiền đầu tư, đặt cọc....(nếu có) Số tiền thuê xưởng, văn phòng còn thiếu bên B sẽ phải thanh toán đầy đủ cho bên A trước khi dọn toàn bộ tài sản của bên B ra khỏi khu vực cho thuê của bên A;

ĐIỀU 7:

CHO THUÊ LẠI VÀ CHUYỂN NHƯỢNG HỢP ĐỒNG

- 7.1 Bên B không được sử dụng khu vực thuê, hợp đồng thuê nhà xưởng này để cho thuê lại, thế chấp, cầm cố, góp vốn liên doanh, liên kết hay sử dụng nhằm mục đích vi phạm pháp luật;
- 7.2 Trong trường hợp đặc biệt, bên B có thể sử dụng một phần diện tích nhà xưởng đã thuê cho bên thứ 3 theo hình thức hợp tác, liên doanh, liên kết giữa bên B và bên thứ 3 nhưng bắt buộc phải được chấp thuận của bên A bằng văn bản.

ĐIỀU 8:
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

8.1 Quyền của bên A

- 8.1.1 Yêu cầu bên B nhận bàn giao diện tích thuê;
- 8.1.2 Yêu cầu bên B thanh toán đầy đủ tiền thuê, phí dịch vụ, bảo trì theo quy định của hợp đồng này;
- 8.1.3 Được quyền hủy hợp đồng và lấy lại toàn bộ khu vực thuê nếu bên B vi phạm điều khoản thanh toán được quy định tại Điều 6 của hợp đồng này;
- 8.1.4 Yêu cầu bên B sử dụng nhà xưởng của bên A đúng theo thỏa thuận về lĩnh vực cơ khí chính xác, kim loại đã được nêu trong hợp đồng này; Đúng mục đích với ngành nghề lĩnh vực Sản xuất Kinh doanh được pháp luật cho phép và đáp ứng đủ các quy định hiện hành của cơ quan quản lý Nhà nước theo ngành nghề, quy mô của bên B;
- 8.1.5 Yêu cầu bên B sử dụng nhà xưởng thuê của bên A đúng với các thông số xây dựng nhà xưởng, nhà kho được cho phép tổ chức sản xuất như độ ồn, chịu tải nền, chịu nhiệt của hệ thống kết cấu, tường vách, cửa, mái, công suất điện đã đăng ký. Mức tối đa công suất sử dụng điện từ 150KVA - 200KVA phù hợp với máy biến áp hiện nay đang hoạt động của bên A. Trường hợp quá công suất gây ra sự cố chập cháy về đường dây, tủ điện của bên A thì bên B có trách nhiệm phải bồi thường thiệt hại (nếu có). Giữ vệ sinh, an ninh, an toàn cháy nổ chung theo quy định;
- 8.1.6 Được quyền yêu cầu bên B bồi thường khắc phục (nếu có) những sự cố, nguyên nhân do lỗi của bên B và/hoặc đối tác của bên B gây ra dẫn đến những tổn thất về tài sản trên đất và/hoặc tài sản khác trong khuôn viên đất của bên A;
- 8.1.7 Được quyền yêu cầu bên B giao lại diện tích nhà xưởng khi hết thời hạn thuê mà không có thỏa thuận nào khác;
- 8.1.8 Các quyền khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng này;

8.2 Nghĩa vụ của bên A

- 8.2.1 Bên A sẽ bàn giao tài sản nhà xưởng cho bên B theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng này và các trang thiết bị, công cụ PCCC (bình chữa cháy cầm tay trang bị lần đầu), thiết bị hệ thống nguồn điện chiếu sáng và các thiết bị, công cụ khác (nếu có) do bên A đầu tư, lắp đặt;
- 8.2.2 Chịu trách nhiệm trong công tác lắp đặt, thẩm duyệt hệ thống PCCC của nhà xưởng theo quy định đối với cơ quan quản lý có thẩm quyền đủ điều kiện bàn giao cho bên B thuê. Chúng nhận thẩm duyệt PCCC nhà xưởng số 1 theo tiêu chuẩn của xưởng sản xuất cơ khí, kim loại (bao gồm cả phần nhà xây phía hai đầu hồi nhà xưởng số 1 chỉ dùng làm nơi lưu mẫu cơ khí, tuyệt đối không sử dụng sai công năng mà đơn vị thẩm duyệt PCCC đã cấp giấy chứng nhận). Phối hợp và chịu trách nhiệm chính để làm việc với cơ quan chức năng về PCCC khi có yêu cầu tại khu nhà xưởng và mỗi bên phải chịu trách nhiệm về công tác PCCC của mình theo quy định của Pháp luật; Bên A cung cấp bản sao tài liệu, giấy tờ về PCCC tại khu vực bên B thuê khi có yêu cầu;

- 8.2.3 Chịu trách nhiệm và đảm bảo với bên B rằng bên A có đầy đủ quyền sở hữu, quyền sử dụng, quyền cho thuê đối với khu vực thuê trước và trong suốt thời hạn có hiệu lực của hợp đồng này;
- 8.2.4 Chịu trách nhiệm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ thuế, phí, lệ phí và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) đối với Nhà nước và cơ quan quản lý địa phương liên quan đến việc hoạt động đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng nhà xưởng của bên A;
- 8.2.5 Đảm bảo cho bên B sử dụng ổn định tài sản thuê trong thời hạn thuê và không có bất kỳ bên thứ ba nào khiếu nại, tranh chấp liên quan đến tài sản thuê trong thời gian thuê;
- 8.2.6 Tạo và duy trì các điều kiện thuận lợi cho bên B tiến hành các hoạt động trong khu vực có tài sản thuê (bao gồm cả việc cung cấp giấy tờ pháp lý về tài sản thuê, ký hồ sơ trong khả năng hiện có với trường hợp bên B cần để tuân thủ quy định của pháp luật, các quy định tại địa phương và phục vụ các mục đích hợp lý khác);
- 8.2.7 Tạo và duy trì các điều kiện thuận lợi cho bên B và/hoặc các nhà thầu của bên B để thực hiện việc cải tạo, lắp dựng các công trình trên khu vực thuê sau ngày bàn giao và trong giai đoạn thi công (nếu có);
- 8.2.8 Tạo điều kiện cho cán bộ nhân viên của bên B ra, vào thuận lợi; Phương tiện vận chuyển được dừng đỗ tại sân, đường trục chính nhà xưởng 24/24h để giao nhận hàng hóa theo yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của bên B;
- 8.2.9 Chịu trách nhiệm về an ninh vòng ngoài của nhà xưởng 24/24h (không bao gồm tài sản của bên B để ngoài khu vực xưởng); Phương tiện của cán bộ công nhân viên và khách đến làm việc của bên B; Thực hiện đúng chức trách của bảo vệ về công tác tiếp đón, an ninh như chỉ dẫn, hướng dẫn vị trí để phương tiện v.v..;
- 8.2.10 Được miễn trách nhiệm trong các trường hợp bất khả kháng như thiên tai, dịch họa ...;
- 8.2.11 Chịu trách nhiệm bồi thường mọi thiệt hại về tài sản cho bên B nếu do lỗi của bên A gây ra. Nếu xảy ra sự cố do lỗi của khách hàng bên A gây thiệt hại đối với tài sản, trang thiết bị của bên B thì bên A có trách nhiệm với bên B để đòi bồi thường theo yêu cầu bồi thường của bên B;
- 8.2.12 Các nghĩa vụ khác theo quy định của hợp đồng này và pháp luật;

ĐIỀU 9:

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

9.1 Quyền của bên B

- 9.1.1 Yêu cầu bên A bàn giao tài sản thuê đúng thỏa thuận của hợp đồng này;
- 9.1.2 Nhận diện tích khu vực thuê theo thỏa thuận được quy định tại hợp đồng này đúng thời hạn và các thiết bị, công cụ PCCC; Thiết bị hệ thống nguồn điện chiếu sáng và các thiết bị công cụ khác (nếu có) do bên A đầu tư, lắp đặt;
- 9.1.3 Lắp đặt trang thiết bị, công cụ, dụng cụ cần thiết phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Các trang thiết bị, công cụ, dụng cụ do bên B lắp đặt thuộc quyền sở hữu của bên B và bên B được quyền di dời khi kết thúc hợp đồng;

- 9.1.4 Được sử dụng khu vực thuê một cách trọn vẹn, riêng rẽ và theo đúng mục đích đã quy định trong hợp đồng này, quy định của pháp luật cũng như theo quy định trong giấy phép kinh doanh của bên B; Người của bên A không được tự ý ra vào khu vực của bên thuê, nếu có việc cần thông báo và được sự đồng ý của bên B. Các đối tác, khách và cán bộ nhân viên bên A không được lấn chiếm, làm cản trở lối đi lại của bên B;
- 9.1.5 Được cải tạo, sửa chữa và lắp đặt thiết bị cho phù hợp với tổ chức sản xuất của bên B, nhưng không được gây ảnh hưởng đến việc làm sai công năng về thẩm duyệt PCCC đã được phê duyệt, ảnh hưởng đến kết cấu của nhà, nhà xưởng và phải được sự đồng ý của bên A bằng văn bản;
- 9.1.6 Được quyền treo các biển hiệu của mình bên ngoài phù hợp với các quy định của Nhà nước Việt Nam về biển hiệu quảng cáo và phù hợp với biển hiệu của bên A đã phân chia khu vực cho bên B;
- 9.1.7 Được quyền ưu tiên gia hạn hợp đồng khi hợp đồng hết hạn. Hai bên sẽ tiến hành thương thảo, thống nhất để ký kết gia hạn trước khi hợp đồng thuê hết hạn 06 (sáu) tháng;
- 9.1.8 Được phép mang các tài sản hợp pháp ra, vào khu vực thuê (*phía trong nhà xưởng*) mà không bị bất kỳ sự cản trở của cá nhân, tổ chức nào; Trường hợp các tài sản, thiết bị ra vào Công ty nhưng lưu tạm tại các vị trí sử dụng chung thì phải thông báo cho bên A về thời gian lưu để bảo vệ sắp xếp cho phù hợp không ảnh hưởng tới các đơn vị khác;

9.2 Nghĩa vụ của bên B

- 9.2.1 Trong trường hợp hợp đồng bị vô hiệu do vi phạm pháp luật Việt Nam của bên B, thì bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại cho bên A (nếu có);
- 9.2.2 Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy và tự chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn đối với con người, hàng hóa, cơ sở vật chất và trang thiết bị trong khu vực thuê. Trong quá trình khai thác và sử dụng khu vực thuê, nếu xảy ra sự cố hoặc hỏa hoạn do lỗi của bên B gây thiệt hại đối với con người, cơ sở vật chất, tài sản, trang thiết bị trong khu vực thuê, bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường 100% giá trị bị thiệt hại (nếu có). Giá trị bồi thường thiệt hại này sẽ do hai bên thỏa thuận thống nhất. Trong trường hợp không thể thỏa thuận được sẽ được xác định bởi một bên thứ ba có thẩm quyền của Nhà nước quyết định;
- 9.2.3 Chịu trách nhiệm bồi thường mọi thiệt hại về tài sản cho bên A nếu do lỗi của bên B gây ra. Nếu xảy ra sự cố do lỗi của khách hàng bên B gây thiệt hại đối với tài sản, trang thiết bị của bên A thì bên B có trách nhiệm với bên A để đòi bồi thường theo yêu cầu bồi thường của bên A;
- 9.2.4 Chịu trách nhiệm sửa chữa, thay thế những hỏng hóc trong quá trình sử dụng hàng ngày đối với các thiết bị khu vực vệ sinh, điện nước, bảo dưỡng bình chữa cháy được bên A trang bị (*bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định của cơ quan quản lý PCCC*) phía trong khu vực xưởng thuê hoặc thông báo cho bên A sửa chữa, thay thế và thanh toán phí cho bên A chi phí sau khi sửa chữa.

- 9.2.5 Có trách nhiệm đảm bảo việc kinh doanh tại khu vực thuê theo đúng ngành nghề lĩnh vực kinh doanh được pháp luật cho phép và đáp ứng đầy đủ các quy định hiện hành của cơ quan quản lý Nhà nước theo ngành nghề quy mô của bên B;
- 9.2.6 Bên B tự chịu trách nhiệm về toàn bộ mặt hàng hóa, tài sản bên trong khu vực thuê và giải quyết các vấn đề có liên quan đến các nhân viên cũng như hoạt động kinh doanh của bên B tại khu vực thuê theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước Việt Nam có thẩm quyền hoặc các tranh chấp với các pháp nhân, thể nhân khác liên quan đến hàng hóa trong khu vực thuê;
- 9.2.7 Sử dụng nhà xưởng của bên A đúng với các thông số về công suất điện đã đăng ký với bên A; Thông số xây dựng nhà xưởng, nhà kho được cho phép tổ chức sản xuất như chịu tải nền, chịu nhiệt của hệ thống kết cấu, tường vách, cửa, mái cũng như giữ vệ sinh, an ninh, an toàn cháy nổ chung;
- 9.2.8 Thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn tiền phí thuê nhà kho và chi phí điện, nước theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng này;
- 9.2.9 Tự đảm bảo, trông giữ tài sản, hàng hóa, phương tiện vận chuyển của bên B phía trong khu vực nhà xưởng thuê 24/24h;
- 9.2.10 Chịu sự sắp xếp, hướng dẫn của bảo vệ bên A cho việc dừng, đỗ phương tiện ô tô, xe máy, xe điện của cán bộ công nhân viên được gọn gàng bảo đảm an toàn;
- 9.2.11 Đảm bảo tuân thủ tuyệt đối không được xả thải dầu máy, giẻ dính dầu vào hệ thống nước thải chung của bên A và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh tại xưởng thuê;
- 9.2.12 Bồi thường thiệt hại cho bên A trong các trường hợp sau:
+ Do lỗi chủ quan của bên B gây ra
+ Vi phạm một trong các quy định tại các điều khoản được quy định tại hợp đồng này;
- 9.2.13 Bàn giao tài sản thuê cho bên A khi chấm dứt hợp đồng này;
- 9.2.14 Được miễn trách nhiệm trong các trường hợp bất khả kháng như thiên tai, địch họa, v.v...;
- 9.2.15 Các nghĩa vụ khác theo quy định của hợp đồng này và pháp luật;

ĐIỀU 10:

GIA HẠN HỢP ĐỒNG, CHẤM DỨT THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG TRƯỚC THỜI HẠN

- 10.1 Hợp đồng khi hết hạn, bên B được quyền ưu tiên ký tiếp hợp đồng với thời hạn tiếp theo nếu hai bên thương thảo đạt được thỏa thuận, nhưng phải thông báo cho bên A biết trước bằng văn bản tối thiểu 06 (sáu) tháng. Đơn giá thuê cho những năm tiếp theo được hai bên thống nhất thỏa thuận tại thời điểm gia hạn của hợp đồng.
- 10.2 Trong thời hạn của hợp đồng kỳ thứ nhất (bốn năm), các bên không được quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng, trừ trường hợp các bên vi phạm một trong những quy định được nêu tại Điều 11 của hợp đồng này.

- 10.3 Hợp đồng thực hiện trong thời gian là 04 (bốn) năm. Bên nào muốn chấm dứt hợp đồng trước hạn phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trước tối thiểu 06 (sáu) tháng và phải bồi thường cho bên kia số tiền tương đương 06 (sáu) tháng tiền thuê xưởng tại thời điểm chấm dứt hợp đồng.
- 10.4 Nếu bên A đơn phương chấm dứt hợp đồng thì phải thông báo bằng văn bản trước 06 (sáu) tháng cho bên B. Khi đó, ngoài việc bên A phải hoàn trả tiền đặt cọc nêu tại Điều 5 của hợp đồng này và hoàn trả toàn bộ số tiền thuê cho thời gian chưa sử dụng của bên B mà bên B đã thanh toán, đồng thời bên A sẽ phải bồi thường khoản chênh lệch giữa đầu tư ban đầu và khấu hao đối với phần tài sản bên B đầu tư cho trang thiết bị nhà xưởng như cầu trục v.v. (bắt buộc phải có hóa đơn làm minh chứng). Khoản chênh lệch này tại thời điểm chấm dứt hợp đồng trường hợp hai bên không thể đàm phán đi đến thống nhất thì sẽ mời bên thứ ba có thẩm quyền, có chức năng giám định, định giá làm căn cứ;
- 10.5 Nếu bên B đơn phương chấm dứt hợp đồng thì phải thông báo bằng văn bản trước 06 (sáu) tháng cho bên A và bị phạt khấu trừ toàn bộ số tiền đặt cọc nêu tại Điều 5 của hợp đồng này. Ngoài ra còn phải thanh toán các khoản chi phí phát sinh làm hư hại tài sản ... do lỗi của bên B (nếu có) ngoại trừ các hạng mục xuống cấp tự nhiên theo thời gian và thanh toán các nghĩa vụ được quy định tại hợp đồng này.

ĐIỀU 11:

ĐƠN PHƯƠNG CHẤM DỨT THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG DO VI PHẠM

- 11.1 Bên A có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng cho thuê khi bên B có ý vi phạm một trong những quy định sau:
- + Bên B không thực hiện đầy đủ hoặc vi phạm các Điều, Khoản cam kết trong hợp đồng;
 - + Thanh toán tiền thuê chậm quá 90 (chín mươi) ngày sau thời điểm đến hạn thanh toán đã ghi trong hợp đồng mà không được sự chấp thuận của bên A;
 - + Sử dụng nhà xưởng thuê của bên A không đúng mục đích như đã nêu trong hợp đồng này;
 - + Cố ý gây hư hỏng nghiêm trọng nhà xưởng, tài sản và thiết bị, công cụ của bên A đã đầu tư lắp đặt;
 - + Tự ý nâng cấp, cải tạo, sửa chữa lớn gây ảnh hưởng đến kết cấu của nhà xưởng, nhà văn phòng hoặc cho cá nhân, tổ chức khác thuê lại nhà xưởng, văn phòng mà không được sự đồng ý của bên A;
- 11.2 Bên B có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng thuê khi bên A có ý vi phạm những quy định sau đây:
- + Bên A không thực hiện đầy đủ hoặc vi phạm các Điều, Khoản cam kết trong hợp đồng;
 - + Không thực hiện sửa chữa kịp thời nhà xưởng và các trang thiết bị, công cụ của bên A đã đầu tư lắp đặt bị xuống cấp, hư hỏng (trừ các thiết bị như bóng điện, vòi nước,

thiết bị vệ sinh ... mà bên B sử dụng hàng ngày cho sinh hoạt) mà bên B đã yêu cầu sửa chữa khắc phục bằng văn bản;

+ Tăng đơn giá thuê và các chi phí có liên quan bất hợp lý mà không được bên B đồng ý hoặc thu hẹp mặt bằng nhà xưởng không còn nguyên trạng như đã quy định tại khoản 1.2 Điều 1 của hợp đồng này;

+ Quyền sử dụng của bên B gồm nhà xưởng, mặt bằng sân dùng chung, đường chung bị hạn chế do lợi ích của bên thứ ba;

ĐIỀU 12:

TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

- 12.1 Bất khả kháng là trường hợp xảy ra nằm ngoài tầm kiểm soát của một hoặc các bên, xảy ra sau khi ký kết hợp đồng này, mặc dù một hoặc các bên bằng tất cả nỗ lực, khả năng, dự liệu của mình đã cố gắng hạn chế nhưng vẫn xảy ra, và ngăn cản một hoặc các bên không thể thực hiện hợp đồng này. Các sự kiện bất khả kháng bao gồm: Thiên tai, dịch họa, ... hoặc thay đổi về chính sách, pháp luật của Nhà nước Việt Nam;
- 12.2 Bên mà các nghĩa vụ hoặc bất kỳ nghĩa vụ nào của mình bị ngưng thực hiện vì trường hợp Bất khả kháng phải gửi thông báo cho bên kia về việc tạm ngưng thực hiện nghĩa vụ trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày gặp trường hợp bất khả kháng, trong đó có nêu rõ tính chất của việc tạm ngưng, các lý do tạm ngưng, thời gian dự kiến phải tạm ngưng, và bất kỳ biện pháp nào sẽ thực hiện để khắc phục bất khả kháng. Và cung cấp cho bên kia bằng chứng bằng văn bản về tình trạng bất khả kháng của mình;
- 12.3 Những lý do bất khả kháng nêu trên được miễn trách nhiệm bồi thường đối với các bên. Trong trường hợp việc thực hiện hợp đồng của một bên bị chậm trễ quá 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày bên không bị ảnh hưởng nhận được thông báo theo quy định này, bên không bị ảnh hưởng có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng này mà không phải chịu trách nhiệm pháp lý đối với bên kia. Bên đơn phương chấm dứt hợp đồng có nghĩa vụ thông báo cho bên kia về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng này;

ĐIỀU 13:

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 13.1 Tất cả mọi tranh chấp, tranh cãi nảy sinh giữa các bên trong mối quan hệ của hợp đồng này hoặc có liên quan đến hợp đồng này sẽ được giải quyết trước hết bằng cách hòa giải, thương lượng, đàm phán giữa các bên trên tinh thần thiện trí và cùng có lợi;
- 13.2 Trong trường hợp các bên không giải quyết được bằng cách thương lượng, hòa giải thì vụ việc sẽ được giải quyết tại Tòa án cấp có thẩm quyền tại thành phố Hà Nội. Quyết định hoặc bản án có hiệu lực của Tòa án là căn cứ để hai bên cùng thực hiện. Bên thua kiện phải chịu toàn bộ tiền án phí;

ĐIỀU 14:

CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

- 14.1 *Sửa đổi:*

Bất kỳ sự sửa đổi hay điều chỉnh hoặc sự chỉnh lý nào đó của hợp đồng này sẽ được lập thành văn bản và được ký bởi đại diện có thẩm quyền (*người đại diện hợp pháp theo quy định của pháp luật*) hoặc người được ủy quyền đầy đủ của hai bên. Không bên nào có quyền tự ý thay đổi hoặc sửa đổi các điều khoản trong hợp đồng. Trong trường hợp cần sửa đổi, hai bên sẽ ký Phụ lục hợp đồng và đây là phần không thể tách rời của hợp đồng này;

14.2 Quan hệ liên đới:

Nếu có bất cứ quy định nào trong hợp đồng này bị phát hiện là không có giá trị hoặc không có hiệu lực thì hành theo pháp luật Việt Nam, thì các quy định còn lại sẽ duy trì giá trị và hiệu lực thì hành theo các điều khoản của nó;

14.3 Luật điều chỉnh:

Hợp đồng này được điều chỉnh và diễn giải theo Luật pháp của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

14.4 Thực hiện hợp đồng:

Hai bên đồng ý cam kết thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ của mình được quy định trong hợp đồng này;

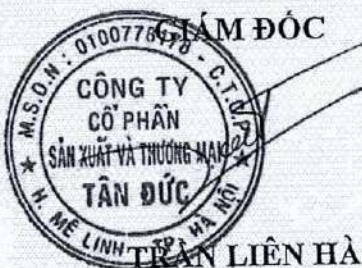
ĐIỀU 15:

KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- 15.1 Hai bên đã hiểu rõ quy định pháp luật về việc thuê và cho thuê địa điểm kinh doanh, hiểu rõ quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia ký kết bản hợp đồng này.
- 15.2 Hợp đồng này có 12 trang, 15 Điều, được lập thành 04 (bốn) bản bằng tiếng Việt và có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ 02 (hai) bản để thực hiện. Những vấn đề liên quan khác chưa được quy định cụ thể trong hợp đồng này hoặc các văn bản thỏa thuận giữa các bên sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 12 năm 2025.

ĐẠI DIỆN BÊN A ✓



ĐẠI DIỆN BÊN B



Giang Mạnh Dinh

M.S.D.
★

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2026

HỢP ĐỒNG THU GOM, VẬN CHUYỂN
RÁC THẢI SINH HOẠT

Số: 154/2026/HĐVSMT/QM

- Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Quyết định số 87/2025/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của UBND thành phố Hà Nội về ban hành Quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt thông thường trên địa bàn thành phố Hà Nội;
- Căn cứ Quyết định số: 436/QĐ-BQLDA ngày 29/12/2025 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng xã Quang Minh về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng Gói thầu số 4: Duy trì vệ sinh môi trường trên địa bàn xã Quang Minh giai đoạn 2026 - 2028 (03 năm) thuộc dịch vụ sự nghiệp công; Duy trì vệ sinh môi trường trên địa bàn xã Quang Minh giai đoạn 2026 - 2028 (03 năm).
- Căn cứ Quyết định số 4996/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2026 - 2027.
- Chức năng nhiệm vụ nhu cầu và khả năng thực hiện của các bên,

Hôm nay, Ngày 14 tháng 01 năm 2026, tại Công ty cổ phần công trình đô thị Long Biên, chúng tôi đại diện hợp pháp của:

Bên A: CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ CHÍNH XÁC NANOTECH VIỆT NAM

- Người đại diện: Ông **Giang Mạnh Đình** - Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: Lô 38E Khu công nghiệp Quang Minh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Mã số thuế: 0106338039

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ LONG BIÊN

- Người đại diện là: Ông *Nguyễn Tiến Dũng* - Chức vụ: Giám đốc.
- Địa chỉ: Số 90, Phố Kê Tạnh, Phường Việt Hưng, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 0243.8756817 Fax: 043.8756817
- Mã số thuế: 0104267103
- Số tài khoản: 22 222 238 222
- Mở tại: Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội

Các bên cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng dịch vụ với các nội dung cụ thể như sau:

ĐIỀU 1. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG.

1.1. Nội dung công việc

- Bên A và Bên B cùng thống nhất ký kết hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt do Bên A là chủ nguồn thải.
- Đối tượng hợp đồng không bao gồm: chất thải nguy hại, chất thải y tế, đất thải, phế thải xây dựng,.....

1.2. Phương thức thực hiện:

- Bên A trang bị đầy đủ dụng cụ lưu chứa rác hợp vệ sinh và phù hợp với phương tiện thu gom, vận chuyển rác hàng ngày của đơn vị duy trì.
- Bên A phân loại rác thải sinh hoạt đảm bảo không lẫn các loại như: chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, chất thải y tế, đất thải, phế thải xây dựng,.....
- Bên B sử dụng phương tiện thu gom rác theo phương án cơ giới hóa thu gom, vận chuyển rác trên địa bàn xã Quang Minh đã được phê duyệt tiếp nhận rác từ các dụng cụ lưu chứa rác của Bên A để vận chuyển.

- Tần suất thực hiện: 01 lần/tuần

ĐIỀU 2. ĐỊA ĐIỂM VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG.

- Thời gian thực hiện: Bắt đầu từ ngày 14/01/2026 đến ngày 31/12/2026
- Địa điểm thực hiện tại lô Lô 38E Khu công nghiệp Quang Minh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

ĐIỀU 3. LOẠI HỢP ĐỒNG, GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN.

- 3.1 Loại hợp đồng:** Hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh

3.2 Giá trị hợp đồng: Đơn giá theo Quyết định số 4996/QĐ-UBND ngày 06/10/2025 của UBND thành phố Hà Nội, giá trên chưa bao gồm thuế VAT.

TT	Nội dung	Khối lượng (kg)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Giá trị hợp đồng/tháng (từ tháng 1- tháng 5/2026)	420	1.175	493.500
2	Giá trị hợp đồng/tháng (từ tháng 6 – tháng 12/2026)	840	1175	987.000
3	Giá trị hợp đồng/năm 2026			9.376.500

(Giá trị trên chưa bao gồm thuế VAT, thuế xuất sẽ theo từng thời điểm do nhà nước quy định)

3.3 Phương thức thanh toán:

- Bên A thanh toán cho Bên B: 6 tháng/lần (vào tháng 6 và tháng 12)
- Thời gian thanh toán: Bên A thanh toán 100% giá trị thực hiện cho bên B trong vòng 10 ngày kể từ ngày bên A nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị thanh toán. Quá thời hạn thanh toán trên bên A chưa thanh toán thì bên A phải chịu chi phí nợ quá hạn là 2%/tháng cho số tiền chậm trả và bên B có quyền tạm dừng thực hiện hợp đồng.
- Chứng từ thanh toán: hóa đơn tài chính.
- Hình thức thanh toán: Tiền mặt/chuyển khoản. Bên A chịu mọi loại chi phí chuyển khoản.
- Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

ĐIỀU 4. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

4.1 Quyền và trách nhiệm của Bên A

- Trang bị đầy đủ dụng cụ lưu chứa rác hợp vệ sinh và phù hợp với phương tiện thu gom, vận chuyển rác hàng ngày của đơn vị duy trì.
- Hằng ngày có trách nhiệm đổ rác thải sinh hoạt lên phương tiện thu gom của đơn vị duy trì hoặc đưa rác ra các điểm tập kết rác theo quy định, tự bảo quan và vệ sinh dụng cụ lưu chứa rác.
- Bổ sung giá trị hợp đồng khi có khối lượng phát sinh ngoài khối lượng đã ký kết trong hợp đồng.
- Thanh toán đầy đủ kinh phí và đúng thời gian cho Bên B như đã thỏa thuận tại Điều 3 của hợp đồng này.
- Phối hợp với Bên B giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

4.2 Quyền và trách nhiệm của Bên B

- Được thanh toán theo hợp đồng trên cơ sở giá trị đã được các bên thống nhất.
- Từ chối không thu gom, vận chuyển nếu phát hiện rác thải sinh hoạt lẫn các loại: chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, chất thải y tế, đất thải, phế thải xây dựng,.....
- Ngừng cung cấp dịch vụ nếu Bên A không nộp tiền hoặc chậm thanh toán theo điều 3 của hợp đồng, không thực hiện đúng các điều khoản trong hợp đồng.
- Xuất đầy đủ hóa đơn, chứng từ làm cơ sở thanh toán- Phối hợp với Bên A giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.
- Bố trí lao động, phương tiện thực hiện thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt theo đúng phương án cơ giới hóa công tác thu gom, vận chuyển rác đã được phê duyệt hoặc từ điểm tập kết theo quy định về bãi xử lý.
- Chịu trách nhiệm về an toàn lao động, an toàn giao thông và vệ sinh môi trường trong quá trình vận chuyển rác thải sinh hoạt về bãi xử lý.

ĐIỀU 5. ĐIỀU KHOẢN CHUNG.

- Các bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng.
- Đơn giá và giá trị hợp đồng có thể được tăng/giảm khi UBND Thành Phố Hà Nội điều chỉnh, sửa đổi quy định về thu giá dịch vụ vệ sinh môi trường trên địa bàn Hà Nội. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có sự điều chỉnh về khối lượng và đơn giá, bất kỳ sửa đổi, bổ sung đối với hợp đồng này đều phải được lập thành văn bản và được ký kết bởi người đại diện hợp pháp của hai bên.
- Sau khi hết thời hạn hợp đồng nếu 2 bên không có văn bản gì bổ sung thì hợp đồng tự động gia hạn thêm 01 năm nữa, sau khi hoàn tất các nghĩa vụ trong hợp đồng này, và hai bên không có thỏa thuận gì khác thì sau khi kết thúc thời gian tự gia hạn hợp đồng này sẽ tự động thanh lý.
- Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký, được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 02 bản làm cơ sở để triển khai thực hiện./.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC
Giang Mạnh Linh

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Dũng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 05 tháng 05 năm 2026

HỢP ĐỒNG

VẬN CHUYỂN, LƯU GIỮ VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP NGUY HẠI

Số: 0.0.0.3.4.0./2026/HĐCNK

- Căn cứ Bộ Luật dân sự nước CHXHCN Việt Nam số 91/2015/QH13 được Quốc hội khoá XIII, thông qua ngày 24/11/2015 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017;
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020;
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ Năng lực của Công ty cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp Bắc Sơn;
- Căn cứ giấy phép môi trường bộ tài nguyên môi trường số:438/GPMT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2022 cấp phép cho Công ty Cổ Phần Môi trường Đô thị và Công nghiệp Bắc Sơn.
- Căn cứ đề nghị của Công ty TNHH cơ khí chính xác Nanotech Việt Nam về việc vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp nguy hại.

Hai bên chúng tôi gồm:

I. CHỦ NGUỒN THẢI – CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ CHÍNH XÁC NANOTECH VIỆT NAM (BÊN A)

Địa chỉ trụ sở chính : Lô 38E khu công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Mã số thuế : 0106338039
Điện thoại : 091 278 7877
Người đại diện : Ông **GIANG MẠNH DINH** Chức vụ : Giám đốc

II. CHỦ VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP NGUY HẠI - CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP BẮC SƠN (BÊN B)

Địa chỉ ĐKKD : Thôn 2, xã Trung Giã, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Điện thoại : 024.6275 4826 Fax: 024.6275 4827
Tài khoản : 113000037652 Tại Ngân hàng Vietinbank - CN Bắc Thăng Long – PGD Sông Cầu
Mã số thuế : 0102961796
Người đại diện : Ông, **Cao Xuân Thìn** Chức vụ: Giám đốc

Sau khi bàn bạc, trao đổi hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại với các nội dung sau đây:

ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI HẠN CỦA HỢP ĐỒNG

- (1) Bên A thuê Bên B và Bên B đồng ý thực hiện vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh từ nơi lưu chứa chất thải của Bên A đến khu lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp nguy hại của Bên B.
- (2) Hợp đồng này có thời hạn từ ngày 05 tháng 05 năm 2026 đến ngày 05 tháng 05 năm 2027.

ĐIỀU 2. GIAO NHẬN VÀ VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI

- (1) Đặc tính chất thải: Chất thải công nghiệp, nguy hại ở dạng rắn, lỏng, bùn
Địa điểm giao nhận chất thải: Công ty TNHH cơ khí chính xác Nanotech Việt Nam.
Địa chỉ giao rác: Lô 38E khu công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Điện thoại thường trực khi gọi lấy rác thải: 0969 716 336 (Điều hành xe)
Thời gian giao nhận: sau khi Bên A báo trước cho bên B hai (02) ngày hoặc liên hệ trực tiếp với nhân viên ký kết hợp đồng.
Đường dây nóng: Phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và công nghiệp Bắc Sơn, điện thoại: 024 62754826, fax : 024 62754827
- (2) Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển chuyên dụng có trong giấy phép vận chuyển chất thải công nghiệp, nguy hại đủ tiêu chuẩn, hợp vệ sinh để vận chuyển chất thải theo quy định hiện hành của nhà nước Việt Nam.
- (3) Địa điểm xử lý chất thải: Toàn bộ chất thải công nghiệp, nguy hại Bên A giao cho Bên B được vận chuyển về tập trung, xử lý tại Khu xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và công nghiệp Bắc Sơn. Địa chỉ: Thôn 2, xã Trung Giã, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

ĐIỀU 3. ĐƠN GIÁ DỊCH VỤ

- (1) Đơn giá vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp nguy hại tính bằng tiền Việt Nam đồng (chưa bao gồm thuế GTGT) được áp dụng như sau:

TT	Loại chất thải	ĐVT	Mã CNTH	Phương pháp xử lý	Đơn giá (VNĐ)
1	Giẻ lau, găng tay dính dầu	kg	18 02 01	Theo quy định	8.000
2	Bóng đèn led thải	kg	16 01 06	Theo quy định	15.000
3	Bao bì cứng thải bằng nhựa	kg	18 01 03	Theo quy định	10.000
4	Hộp mực in thải	kg	08 02 04	Theo quy định	10.000
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	kg	18 01 02	Theo quy định	8.000
6	Phoi kim loại dính dầu	kg	07 03 11	Theo quy định	8.000
7	Bùn thải nghiền, mài có dầu	kg	07 03 09	Theo quy định	8.000
8	Dầu thải	kg	17 02 03	Theo quy định	8.000

9	Chất thải công nghiệp thông thường	kg	Theo quy định	7.000
---	------------------------------------	----	---------------	-------

- (2) Phí vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại được tính như sau:
+ Nếu chi phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải **nhỏ hơn 7.000.000 đồng/01 lần vận chuyển** (Bảy triệu đồng chẵn trên một lần vận chuyển) thì Bên B vẫn tính là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng chẵn) - Đã bao gồm thuế GTGT.
+ Nếu chi phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải **lớn hơn 7.000.000 đồng/01 lần vận chuyển** (Bảy triệu đồng chẵn trên một lần vận chuyển) khi nhân với đơn giá ở bảng đơn giá thì bên A phải chịu mức giá theo đơn giá bảng đơn giá trên.
Hai bên sẽ lập biên bản giao nhận chất thải cho từng chuyến làm cơ sở để hai bên thanh quyết toán hợp đồng. Trường hợp bên A phát sinh chất thải mới hai bên sẽ thống nhất phương án xử lý và đơn giá bổ sung tại phụ lục hợp đồng.
- (3) Đơn giá trên sẽ được điều chỉnh lại theo sự thay đổi của thị trường thông qua đàm phán và nhất trí giữa hai bên bằng văn bản.

ĐIỀU 4. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- (1) Thuế suất thuế giá trị gia tăng theo quy định hiện hành của Nhà nước, thuế GTGT sẽ do Bên A chịu.
- (2) Bên A thanh toán tạm ứng cho Bên B bằng chuyển khoản số tiền là: **7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng chẵn)** đã bao gồm thuế GTGT tương ứng với 01 lần vận chuyển. Bên A phải thanh toán cho bên B ngay sau khi hai Bên ký kết Hợp đồng. Số tiền trên sẽ được khấu trừ khi bên B xuất hóa đơn tài chính. Nếu Bên A có nhu cầu vận chuyển nhiều hơn thì sẽ phải tạm ứng số tiền tương ứng trước khi vận chuyển, xử lý. Bên B sẽ không hoàn lại tiền tạm ứng cho bên A khi hết hạn hợp đồng (kể cả trong trường hợp Bên A không chuyển giao chất thải).
- (3) Bên A thanh toán phí phát sinh theo ĐIỀU 3 (2) bằng chuyển khoản hoặc bằng tiền mặt vào tài khoản của Bên B, chậm nhất sau mười lăm (15) ngày kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu khối lượng phát sinh.
- (4) Trong trường hợp bên A không phát sinh khối lượng trong thời gian hợp đồng có hiệu lực thì Bên B cũng không phải hoàn lại số tiền trên.

ĐIỀU 5. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN A

- (1) Bên A có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên B theo ĐIỀU 3,4 của Hợp đồng.
- (2) Bên A có trách nhiệm cung cấp cho Bên B hồ sơ chất thải bao gồm nguồn gốc xuất xứ, các tài liệu về quản lý chất thải, mẫu biên bản bàn giao chất thải (nếu bên A có sử dụng loại chứng từ đặc biệt)
- (3) Trước khi giao cho Bên B, Bên A có trách nhiệm thu gom, phân loại chất thải công nghiệp nguy hại tại cơ sở phát sinh chất thải bên A và đóng gói theo đúng quy định pháp luật và nhằm thuận tiện cho việc quản lý, vận chuyển và xử lý chất thải. Trong trường hợp có sự thay đổi về thành phần chất thải, Bên A phải thông báo trước cho Bên B để có phương án giải quyết kịp thời và điều chỉnh giá thành xử lý cho phù hợp.
- (4) Bên A tạo điều kiện cho Bên B trong việc vận chuyển chất thải công nghiệp, nguy hại trong phạm vi của Bên A, hỗ trợ bên B xe nâng và công nhân vận hành xe nâng (nếu cần) xếp chất thải lên phương tiện vận chuyển.
- (5) Bên A cử cán bộ xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển, xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng.

- (6) Bên A có quyền kiểm tra giám sát quá trình cân đo khối lượng, vận chuyển và xử lý chất thải của mình, với điều kiện việc giám sát, kiểm tra này không được làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất của Bên B.
- (7) Bên A chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về các chất thải không bàn giao cho bên B vận chuyển và xử lý.

ĐIỀU 6. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN B

- (1) Bên B có trách nhiệm vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật và Hợp đồng.
- (2) Bên B bố trí công nhân bốc xếp chất thải lên phương tiện vận chuyển.
- (3) Cùng Bên A xác nhận khối lượng chất thải vận chuyển xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng.
- (4) Bên B hoàn thành đầy đủ chứng từ chất thải nguy hại theo quy định của luật pháp và giao lại chứng từ lưu cho bên A đúng thời hạn.
- (5) Trong trường hợp Bên B phát hiện một số hoặc toàn bộ chất thải không phù hợp với hồ sơ chất thải thì hai bên sẽ cùng nhau thỏa thuận giải quyết số chất thải đó theo đúng quy định hiện hành. Việc tiếp tục xử lý phần chất thải phát sinh trên thực hiện theo thỏa thuận giữa hai bên theo đúng quy định hiện hành và Bên A phải chịu hoàn toàn chi phí.
- (6) Bên B có quyền tạm dừng việc vận chuyển chất thải nếu phát hiện chất thải của bên A không được phân loại, đóng gói và lưu giữ theo đúng quy định pháp luật, bao gồm như không giới hạn ở Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường
- (7) Bên B có quyền từ chối vận chuyển chất thải khi Bên A không có người bàn giao và xác nhận khối lượng.

ĐIỀU 7. BẢO MẬT

- (1) Các Bên có trách nhiệm phải bảo mật tất cả những thông tin mà mình nhận được từ Bên kia trong suốt thời hạn và sau khi hết hạn của Hợp đồng này và phải thực hiện mọi biện pháp cần thiết duy trì tính bảo mật của thông tin này.
- (2) Mỗi Bên sẽ đối xử với các thông tin hợp đồng như là các thông tin mật, có giá trị và độc quyền, và sẽ không tiết lộ và đảm bảo rằng các nhân viên của mình cũng sẽ không tiết lộ bất kỳ thông tin Hợp đồng nào cho bất kỳ bên thứ ba nào khác nếu như không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên kia.

ĐIỀU 8. SỬA ĐỔI VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- (1) Hợp đồng này và các phụ lục (nếu có) của Hợp đồng này có thể sửa đổi theo thỏa thuận bằng văn bản của các bên.
- (2) Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong trường hợp sau:
 - (a) Hợp đồng hết hạn.
 - (b) Hai Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng bằng văn bản.
 - (c) Bên B có quyền chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức bằng cách gửi thông báo đến Bên A nếu Bên A không thanh toán phí dịch vụ theo đúng quy định tại ĐIỀU 3,4 trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi nhận được thông báo đề nghị thanh toán của Bên B.

ĐIỀU 9. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- (1) Bất kỳ và mọi tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại phát sinh từ hoặc có liên quan đến Hợp đồng này trước hết sẽ được hai bên giải quyết bằng thương lượng và hòa giải trên cơ sở tính thiện hữu nghị và cùng có lợi.

- (2) Trong trường hợp không thể giải quyết được thông qua thương lượng và hòa giải, mỗi bên sẽ có quyền đệ trình tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại đó lên tòa án có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết.

ĐIỀU 10. BẤT KHẢ KHÁNG

- (1) Sự kiện bất khả kháng là sự kiện mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên, không dự đoán được hoặc không khắc phục được như động đất, sóng thần, lũ lụt, hỏa hoạn, chiến tranh và các thảm họa khác không lường trước được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.
- (2) Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:
- (a) Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 07 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng;
- (b) Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.
- (3) Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng đúng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được các nghĩa vụ theo Hợp đồng của mình.

ĐIỀU 11. CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- (1) Hai Bên chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ triển khai Hợp đồng, nếu có vấn đề gì cần giải quyết, hai bên kịp thời thông báo cho nhau bằng văn bản và chủ động bàn bạc, giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo lợi ích của hai Bên.
- (2) Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký. Sau khi hai bên hoàn thành hết nghĩa vụ theo hợp đồng và hết thời hạn hiệu lực hợp đồng thì hợp đồng mặc nhiên được thanh lý.
- (3) Hợp đồng được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 bản và có giá trị pháp lý như nhau.



Giang Mạnh Đình



Cao Xuân Thìn

V1- Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
16/7/2018	Người sử dụng đất được thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 0100778178, đăng ký lần đầu ngày 15/1/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 09/8/2011; Giấy chứng nhận đăng ký lần đầu số 4421358845 do Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 14/7/2008, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 08/3/2018; Địa chỉ trụ sở và địa chỉ thửa đất: 38E Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội	PHÓ GIÁM ĐỐC Nguyễn Văn Minh

NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CẦN CHÚ Ý:

1. Được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.
2. Phải mang Giấy chứng nhận này đến đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền khi: chuyển đổi; chuyển nhượng; cho thuê; cho thuê lại; thừa kế; tặng cho quyền sử dụng đất; thế chấp; bảo lãnh; góp vốn bằng quyền sử dụng đất; người sử dụng đất được phép đổi lên; có thay đổi về hình dạng, kích thước, diện tích thửa đất; chuyển mục đích sử dụng đất; có thay đổi thời hạn sử dụng đất; chuyển đổi từ hình thức Nhà nước cho thuê đất sang hình thức Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất; Nhà nước thu hồi đất.
3. Không được tự ý sửa chữa, tẩy xóa bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp giấy.
4. Nếu có thắc mắc hoặc cần tìm hiểu về chính sách, pháp luật đất đai, có thể hỏi cán bộ địa chính xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan quản lý đất đai có liên quan. Cán bộ địa chính và cơ quan quản lý đất đai có trách nhiệm giải đáp thắc mắc hoặc cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật đất đai cho người sử dụng đất.



**GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**

Số AM 665253

ỦY BAN NHÂN DÂN

Tỉnh Vĩnh Phúc

CHỨNG NHẬN

I- Tên người sử dụng đất

Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Tân Đức

Giấy chứng nhận đầu tư số: 19221000044

Do Ban quản lý các khu công nghiệp cấp ngày 14 - 7 - 2008

Địa chỉ: 609 Trương Định, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

II- Thửa đất được quyền sử dụng

1. Thửa đất số: Lô 38 E
2. Tờ bản đồ số: 32
3. Địa chỉ thửa đất: Lô 38 E - Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc.
4. Diện tích: 19800,0 m²
Bảng chữ: Mười chín ngàn tám trăm mét vuông.
5. Hình thức sử dụng:
+ Sử dụng riêng: 19800,0 m²
+ Sử dụng chung: Không m²
6. Mục đích sử dụng đất: Đất Khu công nghiệp.
7. Thời hạn sử dụng: Đến ngày 26 tháng 8 năm 2054.
8. Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

III- Tài sản gắn liền với đất

IV- Ghi chú

**CHỨNG THỰC BẢN SAO
ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

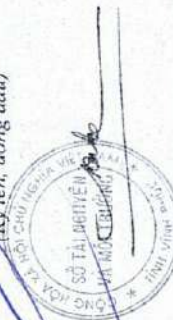
Ngày: 06-08-2026

Số chứng thực: 32195, Quyền số: SCT/BS

Ngày 07 tháng 7 năm 2008
TM ỦY BAN NHÂN DÂN

TUQ CHỦ TỊCH

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(Ký tên, đóng dấu)



CÔNG CHỨNG VIÊN

Nguyễn Văn Lộc

Nguyễn Thị Loan

Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: TDS/19/2008/282/8P-19/41

Ngày 25 tháng 7 năm 2008

TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số:

Tờ số bản đồ:

Tờ phát hành GCN: AM 665253

Số vào sổ cấp GCN:

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Số 317 ngày 24 tháng 8 năm 2018

Thế chấp bằng tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai tại Ngân hàng thương mại cổ phần Bảo Việt - Chi nhánh Sở giao dịch, địa chỉ: tầng 1 và tầng 11, tòa nhà Thủ Đô - số 72 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số công chứng 1368/2018 ngày 24/5/2018 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung (lần 1) số công chứng 2579/2018 ngày 16/8/2018 lập tại Văn phòng công chứng Quốc Dân, thành phố Hà Nội



PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Thị Thu Hương



PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Thanh Nam



PHÓ GIÁM ĐỐC

Đặng Thị Bích Ngọc

Ngày 06 tháng 12 năm 2018

Xóa thế chấp bằng tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai theo Thông báo giải chấp số 4919/2018/CV-BVB ngày 03/12/2018 của Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Sở giao dịch.

Trang bổ sung số: 01

Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Số <u>783</u> Ngày 07 tháng 12 năm 2018 Thế chấp bằng tài sản gắn liền với đất tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Sở giao dịch, địa chỉ: Tầng 1 và tầng 11 Tòa nhà Thủ Đô, số 72 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số công chứng 4271/2018 lập tại Văn phòng công chứng Quốc Dân, thành phố Hà Nội ngày 06/12/2018	 PHÓ GIÁM ĐỐC <i>Dương Thị Bích Ngọc</i>
Số <u>22</u> ngày <u>29</u> tháng <u>03</u> năm 2019 Thế chấp bằng tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Sở giao dịch, địa chỉ: Tầng 1 và tầng 11 Tòa nhà Thủ Đô, số 72 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số công chứng 1094/2019 lập tại Văn phòng công chứng Quốc Dân, thành phố Hà Nội ngày 27/3/2019	 PHÓ GIÁM ĐỐC <i>Dương Thị Bích Ngọc</i>
Ngày <u>24</u> tháng <u>10</u> năm 2019 Chứng nhận bổ sung quyền sở hữu công trình theo Giấy phép xây dựng số 132/GPXD ngày 17/01/2019, Văn bản số 1636/BQL-QHXD ngày 30/8/2019 của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội gồm: Công trình nhà xưởng: diện tích xây dựng là 6014.28 m²; Tổng diện tích sàn: 5544.9 m²; Số tầng: 01 tầng	 PHÓ GIÁM ĐỐC <i>Lê Thanh Nam</i>

(Chuyển tiếp Trang bổ sung số: ...)

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Ngày 18 tháng 11 năm 2024 Nội dung đã đăng ký thể chấp ngày 28/5/2020 có thay đổi địa chỉ của bên nhận thể chấp thành: Tầng 1 và tầng 6, toà nhà Bảo Việt, số 8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội theo Phiếu yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm ngày 28/10/2024 <i>us</i>	 PHÓ GIÁM ĐỐC <i>Đặng Hữu Nghiệp</i>
Ngày 18 tháng 11 năm 2024 Xoá nội dung đăng ký thể chấp ngày 28/5/2020 theo Thông báo giải chấp số 2440/2024/TB-BVBSGD của Ngân hàng TMCP Bảo Việt – Chi nhánh Sở giao dịch <i>us</i>	 PHÓ GIÁM ĐỐC <i>Đặng Hữu Nghiệp</i>
Ngày 18 tháng 11 năm 2024 Nội dung đã đăng ký thể chấp ngày 07/12/2018 có thay đổi địa chỉ của bên nhận thể chấp thành: Tầng 1 và tầng 6, toà nhà Bảo Việt, số 8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội theo Phiếu yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm ngày 28/10/2024 <i>us</i>	 PHÓ GIÁM ĐỐC <i>Đặng Hữu Nghiệp</i>
Ngày 18 tháng 11 năm 2024 Xoá nội dung đăng ký thể chấp ngày 07/12/2018 theo Thông báo giải chấp số 2441/2024/TB-BVBSGD của Ngân hàng TMCP Bảo Việt – Chi nhánh Sở giao dịch <i>us</i>	 PHÓ GIÁM ĐỐC <i>Đặng Hữu Nghiệp</i>
(Chuyển tiếp Trang bổ sung số: ...)	

TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số:

Tờ số bản đồ:

Tờ phát hành GCN: AM 665253

Số vào sổ cấp GCN:

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Ngày 19 tháng 02 năm 2020

Xóa nội dung đăng ký thế chấp ngày 29/03/2019 theo thông báo giải chấp số 678A/2019/CV-BVB ngày 27/12/2019 của Ngân hàng TMCP Bảo Việt- Chi nhánh Sở Giao Dịch.



PHÓ GIÁM ĐỐC

Dương Thị Bích Ngọc

Số 300 ngày 28 tháng 5 năm 2020

Thế chấp bằng tài sản gắn liền với đất (Nhà xưởng số 2: DTXD: 6014,28m²; Tổng DTS: 5544,9m²; Số tầng: 01 tầng) tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Sở giao dịch, địa chỉ: Tầng 1 và tầng 11 Tòa nhà Thủ Đô số 72 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số công chứng 5589/2019 ngày 27/12/2019 lập tại Văn phòng Công chứng Quốc Dân thành phố Hà Nội.



PHÓ GIÁM ĐỐC

Dương Thị Bích Ngọc

Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý

Trang bổ sung số: 02